

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2016 – 2017, 2017 – 2018,
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2018 – 2019, 2019 – 2020

Năm học 2016 – 2017, 2017 – 2018 diễn ra trong bối cảnh cả nước tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2021. Ngành giáo dục và đào tạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”; sau 5 năm thực hiện bước đầu có sơ kết, đánh giá và kết luận của Ban Bí thư để tiếp tục thực hiện có hiệu quả, đặc biệt là rà soát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, đẩy mạnh tự chủ đại học, tăng cường hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi để phân tầng, xếp hạng đại học. Đại học Huế tập trung nguồn lực, thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo; phát huy tiềm lực đội ngũ cán bộ để nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế, hướng đến tự chủ đại học; tiến hành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo chuẩn quốc gia, hướng đến kiểm định chất lượng các tổ chức quốc tế.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2016 – 2017, 2017 – 2018

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2016-2017, 2017-2018

1. Công tác chính trị tư tưởng

1.1. Kết quả đạt được

- Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XV, các nghị quyết hội nghị BCH Trung ương Khoá XI, Khoá XII.

- Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, phòng chống tiêu cực, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

- Đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho công chức, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên, tạo sự thống nhất về tư tưởng, hành động trong quá trình thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Các trường đại học và viện thành viên, đơn vị trực thuộc đả mạnh thực hiện các chủ trương, cuộc vận động của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục, góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, giải quyết kịp thời những tồn tại, vướng mắc, xây dựng và củng cố khối đoàn kết trong Đại học Huế.

- Tổ chức thành công buổi làm việc của Thủ tướng Chính phủ và đoàn công tác Chính phủ với cán bộ chủ chốt Đại học Huế.

Nhìn chung, đa số công chức, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định, phấn khởi bước vào nhiệm kỳ mới của Ban Giám đốc Đại học Huế.

1.2. Tồn tại hạn chế

- Một số viên chức, người lao động chưa ý thức trách nhiệm trong công tác; một số đơn vị chưa thực sự chăm lo xây dựng khối đoàn kết nhất trí cơ quan, đơn vị. Nhiều sinh viên thiếu năng động, sáng tạo, ngần ngại tham gia các sinh hoạt chính trị, xã hội của các tổ chức đoàn thể; có tình trạng sử dụng chất gây nghiện trong môi trường học tập.

- Ý thức xây dựng nhận diện thương hiệu chung của Đại học Huế còn mờ nhạt cả trong đội ngũ lãnh đạo quản lý và công chức, viên chức, người lao động. Tình trạng đưa ra công luận một số vấn đề khi chưa có kết luận của các cơ quan chức năng làm ảnh hưởng đến hoạt động của Đại học Huế.

2. Công tác tổ chức cán bộ

2.1. Kết quả đạt được

- Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các ban chức năng; Quy định bồi hoàn chi phí đào tạo đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài; Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động; Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển và chế độ phụ cấp chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; Quy định xét thay đổi chức danh nghề nghiệp hạng III.

- Thành lập Hội đồng Đại học Huế và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhiệm kỳ 2016 - 2021; kiện toàn Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Nông Lâm.

- Triển khai công tác tái cấu trúc Đại học Huế và các đơn vị theo Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW của Bộ Chính trị. Thành lập Viện Nghiên cứu Giáo dục và Giao lưu quốc tế. Sáp nhập Văn phòng Công đoàn, Văn phòng Đoàn Thanh niên vào Văn phòng Đảng uỷ Đại học Huế và đổi tên thành Văn phòng Đảng - Đoàn thể Đại học Huế. Tổ chức lại Viện Công nghệ Sinh học thành đơn vị thành viên. Tổ chức lại Văn phòng Đại học Huế và một số đơn vị chức năng.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Đại học Huế nhiệm kỳ 2016 – 2021, lãnh đạo Văn phòng, các ban chức năng, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm; cử Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Đại học Y Dược; bổ nhiệm các chức danh quản lý các đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng và triển khai đề án vị trí việc làm Đại học Huế. Khuyến khích, tạo điều kiện vật chất và tinh thần cho công chức, viên chức, người lao động được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước.

- Độ đội ngũ công chức, viên chức, lao động ngày càng được nâng cao, chuẩn hóa chức danh, trình độ tương xứng với vị trí, vai trò, nhiệm vụ được giao. Giải quyết kịp thời chế độ phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên, nâng lương, nâng ngạch, kéo dài thời gian công tác theo quy định hiện hành.

Nhìn chung, cơ cấu tổ chức Đại học Huế, các trường đại học và viện thành viên, đơn vị trực thuộc từng bước được sắp xếp, tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả; bộ máy lãnh đạo, quản lý, điều hành có nhiều đổi mới và ngày càng ổn định; cán bộ quản lý phát huy được năng lực trong công tác; chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng cao.

2.2. Tồn tại hạn chế

- Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tổ chức cán bộ chưa thường xuyên, chặt chẽ; công tác quy hoạch cán bộ quản lý cấp Đại học Huế nhiệm kỳ 2021 – 2026 chậm so với kế hoạch.

- Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý Đại học Huế, một số trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc có lúc còn chậm, thiếu khả thi.

- Công tác định biên, xác định khối lượng công việc theo vị trí việc làm của viên chức, lao động chưa đáp ứng với nhu cầu thực tiễn; bộ máy hành chính ở hầu hết các đơn vị chưa thật sự tinh gọn, hiệu quả.

3. Công tác đào tạo

3.1. Kết quả đạt được

- Ban hành Quy định chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ không chuyên cho sinh viên hệ chính quy, Quy định sinh viên học cùng lúc 2 chương trình đào tạo

đại học thuộc Đại học Huế, Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ, Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về công nhận tín chỉ lẫn nhau giữa các đơn vị đào tạo trong Đại học Huế, Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Tái cấu trúc, rà soát lại ngành nghề đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; phê duyệt mở ngành đào tạo mới phù hợp với năng lực đào tạo, dự báo được nhu cầu xã hội. Mở 4 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 2 chuyên ngành đào tạo cao học, 9 ngành đào tạo đại học. Đại học Huế hiện có 49 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 86 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, 124 ngành đào tạo đại học.

- Tuyển sinh cao học được 3.873 học viên; xét tuyển được 91 nghiên cứu sinh. Quy mô đào tạo 3.456 học viên cao học và 413 nghiên cứu sinh, 1.262 học viên chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II và bác sĩ nội trú; 45.946 sinh viên chính quy, 6.850 sinh viên hệ vừa làm vừa học, 4.013 sinh viên hệ đào tạo từ xa và 326 sinh viên cao đẳng chính quy. Trong 2 năm, đã cấp bằng tốt nghiệp 17.467 sinh viên chính quy.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và ngôn ngữ nước ngoài. Thành lập Hội đồng chuyên môn các học phần lý luận chính trị, thống nhất quản lý, điều hành giảng dạy các môn lý luận chính trị trong Đại học Huế. Đẩy mạnh liên thông trong đào tạo qua việc giảng dạy các môn học chung, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy trong toàn Đại học Huế.

- Thực hiện đề án liên kết đào tạo cao học ngành Khoa học môi trường với Trường ĐH Savanakhet (Lào). Phê duyệt 8 đề án liên kết đào tạo cao học với các địa phương thuộc Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Nhìn chung, công tác quản lý đào tạo ngày càng chặt chẽ, đi vào nề nếp; chất lượng đào tạo tiếp tục được giữ vững và nâng cao, nhất là đào tạo đại học, sau đại học. Từng bước đổi mới chương trình đào tạo, phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài, đào tạo bằng tiếng Anh.

3.2. Tồn tại hạn chế

- Việc rà soát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo Thông tư 07/2015 chưa đồng bộ, chưa tiếp cận các phương pháp mới khu vực và thế giới; các chương trình đào tạo còn thiếu tính linh hoạt, dàn trải.

- Việc triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao, giảng dạy bằng tiếng Anh gặp khó khăn do không thu hút được sinh viên. Các chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ vẫn còn chia quá nhỏ, quá sâu nên khó thu hút người học dẫn đến việc nhiều ngành/chuyên ngành không tuyển sinh được trong nhiều năm và phải tạm dừng.

- Quy chế đào tạo tiến sĩ áp dụng từ tháng 12/2017 đến nay có tiêu chuẩn quá cao so với thực tế, dẫn đến số lượng nghiên cứu sinh giảm mạnh, chỉ còn tương đương 10% so với năm học 2016 - 2017 trở về trước.

- Chưa tập trung đầu tư phát triển các ngành mũi nhọn, trọng điểm, truyền thống và có thế mạnh của Đại học Huế; chưa có biện pháp tạo thương hiệu và nâng cao uy tín của cơ sở đào tạo để thu hút người học, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

- Việc liên kết và hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo theo cơ chế đặc thù (doanh nghiệp – nhà trường) và công tác tuyển dụng chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế của đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

4. Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục

4.1. Kết quả đạt được

- Đại học Huế và các đơn vị phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tốt các kỳ thi THPT quốc gia tại tỉnh Thừa Thiên Huế và các địa phương theo nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng và triển khai nhiều giải pháp để tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh; thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy vào Đại học Huế. Kết quả tuyển sinh, năm học 2016 – 2017 tuyển được 9.822 sinh viên, đạt 77,78% chỉ tiêu; năm học 2017 – 2018 tuyển được 8.643 sinh viên, đạt 68,52% chỉ tiêu.

- Kiện toàn Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục Đại học Huế nhiệm kỳ 2016 – 2021. Chỉ đạo và thực hiện quyết liệt công tác đánh giá ngoài chất lượng cơ sở đào tạo. Đã có 7 trường đại học thành viên hoàn thành công tác đánh giá ngoài chất lượng cơ sở đào tạo, được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục giai đoạn 2017 – 2023 theo chuẩn quốc gia.

- Trường Đại học Nông lâm, Trường Đại học Y Dược đã báo cáo Đại học Huế, Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội kế hoạch hành động giữa kỳ về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Ngoại ngữ và Trường Đại học Luật đã xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học. Đại học Huế vừa được đánh giá cơ sở đào tạo theo chuẩn của ASEAN trong khuôn khổ dự án SHARE đang thực hiện theo các khuyến nghị của Hội đồng đánh giá.

- Ban hành Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục; hướng dẫn đánh giá chương trình nội bộ chất lượng cơ sở đào tạo tại Đại học Huế, các quy định, quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục. Tổ chức các lớp tập huấn về đảm bảo chất lượng, quy trình thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở đào tạo, đánh giá ngoài chương trình đào tạo, phương pháp viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo và lớp đào tạo kiểm định viên tại Đại học Huế.

- Triển khai công tác đánh giá cơ sở đào tạo Đại học Huế theo chuẩn của ASEAN trong khuôn khổ dự án SHARE. Xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất để tham gia xếp hạng theo QS Asia Rankings và Webometrics.

Nhìn chung, công tác đảm bảo chất lượng giáo dục được triển khai quyết liệt, có tác động tích cực đến ý thức cán bộ, viên chức lao động và sinh viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

4.2. Tồn tại hạn chế

- Chưa xây dựng đề án đổi mới và tự chủ tuyển sinh; công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng chưa đạt chỉ tiêu; chất lượng đầu vào chưa cao, một số ngành đào tạo tiếp tục gặp khó khăn.

- Việc triển khai kế hoạch tự đánh giá các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia và AUN – QA còn chậm. Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục chưa đồng bộ, hoàn chỉnh từ cấp bộ môn, khoa đến cấp trường và Đại học Huế.

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu để xếp hạng theo QS Asia Rankings và Webometrics còn gặp khó khăn do chưa có sự đồng bộ hoá cơ sở dữ liệu.

5. Công tác quản lý học sinh, sinh viên

5.1. Kết quả đạt được

- Ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy; Quy định về học bổng khuyến khích học tập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021.

- Kiện toàn Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, hoàn thiện và đưa vào sử dụng không gian làm việc chung ở số 20 Lê Lợi, TP Huế. Tích cực tham gia các hoạt động theo Đề án 864 của Chính phủ, Đề án 1665 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ. Tổ chức cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp Đại học Huế lần thứ I năm 2018. Hỗ trợ các nhóm startup tham gia các cuộc thi; dự án Leafpic-Pro đạt giải nhì tại cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018; dự án VNSpecial đạt giải B giải thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 1 trong 10 dự án được chọn tham gia vòng chung kết Ngày hội khởi nghiệp sinh viên năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; nhóm Tournesol đạt giải Ba Cuộc thi “Start-up! Ý tưởng Khởi nghiệp” do Tổ chức Đại học Pháp ngữ và Trường Đại học Hà Nội tổ chức; Dự án Save Blood đạt giải Ba cuộc thi “Thử thách sáng tạo xã hội Việt Nam.

- Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng khởi nghiệp, các hoạt động hướng nghiệp, ngày hội việc làm cho sinh viên và nhà tuyển dụng, gắn kết giữa nhà tuyển dụng và sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

- Tổ chức Hội thi tiểu phẩm phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, tội phạm và tệ nạn xã hội; tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên; tập huấn, truyền thông, giáo dục về giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Đảm bảo an ninh, trật tự, xây dựng nếp sống văn minh các khu ký túc xá; phối hợp với công an và chính quyền địa phương trong quản lý học sinh, sinh viên ngoại trú.

- Tăng cường công tác chính trị tư tưởng, nhân cách, lối sống, ý thức trách nhiệm cho học sinh, sinh viên; tổ chức phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, hiến máu nhân đạo, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tiếp sức mùa thi, tình nguyện.

- Thực hiện các thủ tục cho thôi học, ngừng học, nghỉ học, chuyển trường và thu nhận vào học lại mỗi năm hơn 700 sinh viên; báo gọi thí sinh trúng tuyển nhập học đối với các hệ đào tạo; thực hiện công tác thẩm định, quản lý hồ sơ và cơ sở dữ liệu sinh viên các hệ đào tạo; kiểm tra, đối chiếu xét đề nghị công nhận tốt nghiệp mỗi năm hơn 20.000 sinh viên; thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên theo quy định.

- Hoàn thành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2016 theo chương trình của Dự án EVENT. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong toàn ĐHH năm 2016 đạt 87,03%; một số đơn vị tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao như: Khoa Du lịch (97,94%), Trường ĐHNT (96,90%), Trường ĐHYD (95,16%), Trường ĐHNN (90,89%), Trường ĐHNL (90,49%), Khoa GDTC (90,70%).

- Cải tiến phương thức quản lý sinh viên nội trú; xã hội hoá và nâng cao chất lượng các dịch vụ cho sinh viên.

Nhìn chung, công tác quản lý học sinh, sinh viên được chú trọng, tiếp tục giữ vững và phát huy môi trường học đường lành mạnh, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội. Các hoạt động khởi nghiệp đã góp phần thúc đẩy tính năng động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

5.2. Tồn tại hạn chế

- Công tác quản lý sinh viên nội trú chưa chặt chẽ, kịp thời còn để xảy ra sự việc nghiêm trọng tại ký túc xá Đồng Đa trong năm 2017. Chưa có giải pháp hiệu quả trong việc quản lý sinh viên ngoại trú trên địa bàn thành phố Huế.

- Các hình thức giáo dục chính trị tư tưởng cho học sinh, sinh viên chưa đa dạng; công tác quản lý sinh viên ở một số đơn vị có lúc chưa được chú trọng.

- Các hoạt động phong trào sinh viên chưa đa dạng, phong phú; hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được triển khai đa dạng, tuy nhiên chưa thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

6. Công tác khoa học công nghệ

6.1. Kết quả đạt được

- Ban hành Quy định mới về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Đại học Huế; Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên; Quy định về tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh; Quy định về phân cấp quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ tại Đại học Huế.

- Triển khai, xét chọn 12 nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHH năm 2018 trên cơ sở các nhóm nghiên cứu, các nhà khoa học có năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Triển khai thực hiện 708 nhiệm vụ, đề tài các cấp, trong đó: 5 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Quốc gia, 15 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, 99 đề tài cấp Đại học Huế, 5 đề tài cấp Tỉnh, 584 đề tài cấp Trường, Khoa.

- Đăng cai tổ chức Hội thảo hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức vòng sơ khảo, chung khảo, tổng kết trao Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2018. Tổ chức Festival khoa học hưởng ứng Festival Huế 2018.

- Đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ, trong đó Trường Đại học Nông Lâm đã có 3 sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ, đăng ký 01 giải pháp hữu ích, 01 bằng độc quyền sáng chế; Viện Công nghệ Sinh học đăng ký 01 nhãn hiệu hàng hoá, 03 giải pháp hữu ích. Nhiều sản phẩm khoa học công nghệ của giảng viên, sinh viên đạt các giải thưởng VIFOTEC, giải thưởng Cố đô và Hội thi sáng tạo KHKT tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nhìn chung, công tác nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh trên nhiều phương diện, mang lại nhiều kết quả, góp phần đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực và cả nước.

6.2. Tồn tại hạn chế

- Sản phẩm khoa học công nghệ có khả năng chuyển giao và thương mại hóa còn ít, kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất chưa rõ ràng.

- Số lượng các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ được phê duyệt còn ít, nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và nguồn lực của Đại học Huế.

- Hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất dùng chung trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ còn hạn chế.

7. Công tác hợp tác quốc tế

7.1. Kết quả đạt được

- Kiện toàn 7 ban điều hành của 7 dự án hợp tác quốc tế; thành lập Ban quản lý các dự án hợp tác quốc tế ở cấp Đại học Huế. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong toàn Đại học Huế.

- Xây dựng và phát triển đối tác chiến lược thông qua các buổi làm việc với Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ, Đại sứ quán Đức, Đại sứ quán Canada và các đối tác quốc tế đến thăm và làm việc tại Đại học Huế.

- Tham gia đoàn công tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo ký kết 3 văn bản hợp tác với các nước Bắc Âu (Phần Lan, Thụy Điển và Đan Mạch). Đại học Huế được chọn là một trong 4 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam thực hiện dự án SHARE về trao đổi sinh viên giữa các trường đối tác trong khu vực ASEAN và EU; cơ sở giáo dục đại học duy nhất của Việt Nam được chọn để tham gia đánh giá cơ sở đào tạo cấp khu vực ASEAN trong khuôn khổ dự án SHARE.

- Tích cực xây dựng và hoàn thành đề án liên kết đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học môi trường và Khoa học máy tính với Trường Đại học Savannakhet, Lào. Xây dựng 3 chương trình đào tạo với Viện Công nghệ Dublin, 2 chương trình đào tạo với Đại học Phần Lan. Đã thực hiện tuyển sinh chương trình liên kết đào tạo bậc cử nhân ngành Khoa học Máy tính với trường Đại học Winona State, Hoa Kỳ; chương trình thạc sĩ kép đào tạo các ngành Vật lý, Hóa học liên kết với trường Đại học Quốc gia Chiao Tung, Đài Loan.

- Tích cực tham gia vào hoạt động hợp tác và đẩy mạnh trao đổi sinh viên với các nước trong khu vực ASEAN. Triển khai các chương trình học bổng song phương với các đối tác.

Nhìn chung, công tác hợp tác quốc tế được tăng cường trên tất cả các lĩnh vực, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất, tiếp tục hội nhập với nền giáo dục của khu vực và thế giới.

7.2. Tồn tại hạn chế

- Nhiều văn bản hợp tác đã được ký kết nhưng chưa triển khai thực hiện; chưa chủ động thúc đẩy các hợp tác sau ký kết và tìm kiếm hợp tác mới; chưa có các chương trình hợp tác lớn với các nước thuộc khối Campuchia – Lào – Myanmar; chưa khai thác được các lĩnh vực hợp tác đa dạng với các đối tác tiềm năng, đặc biệt là hợp tác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ làm dự án chuyên nghiệp. Trao đổi sinh viên còn hạn chế do các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh chưa được phát triển đồng bộ, triển khai thiếu hiệu quả, học bổng hỗ trợ còn hạn chế. Chưa có giải pháp thu hút người nước ngoài vào học tập, làm việc tại Đại học Huế.

- Việc điều phối và trao đổi thông tin về các chương trình, dự án hợp tác quốc tế của các đơn vị trong Đại học Huế chưa kịp thời và thống nhất, chưa phát huy hết hiệu quả việc sử dụng Hệ thống thông tin hợp tác quốc tế.

8. Công tác kế hoạch tài chính

8.1. Kết quả đạt được

- Tổ chức Hội nghị tự chủ đại học; tham mưu triển khai thực hiện lộ trình tự chủ đại học đối với Trường Đại học Luật, Trường Đại học Y Dược, Trường Đại học Kinh tế từ năm 2019; Trường Đại học Nông Lâm, Trường Đại học Ngoại ngữ tích cực chuẩn bị tiến hành lộ trình tự chủ đại học từ năm 2020; Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Nghệ thuật thực hiện theo cơ chế đặt hàng của Nhà nước.

- Triển khai Thông báo số 38/TB-VPCP ngày 24/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng tại Trường Bia 120 tỷ đồng và vốn đầu tư Đại học Huế giai đoạn III 128 tỷ đồng. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung 2 dự án này vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Sau khi được bổ sung vào kế hoạch trung hạn, Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt dự án và cấp vốn để thực hiện.

- Trình Văn phòng Chính phủ phương án đơn vị dự toán cấp 1 tương tự như đại học Quốc gia. Trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương đầu tư Viện Công nghệ Sinh học giai đoạn 2018 - 2020, kinh phí 80 tỷ đồng/900 tỷ đồng và mua sắm tài sản trên đất (Trường THPT Trần Hưng Đạo của Trường Đại học Y Dược đã có kết quả thẩm định nguồn vốn, đang chờ phê duyệt chủ trương đầu tư).

- Triển khai xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2019 các đơn vị và Đại học Huế báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng thời gian quy định.

- Các đơn vị đã cân đối nguồn kinh phí, thực hiện điều hành học phí sự nghiệp. Tính đến ngày 24/12/2018, 100% các đơn vị thực hiện nộp điều tiết kinh phí khoa học công nghệ số tiền 10,493 tỷ đồng, điều hành học phí số tiền 11,991 tỷ đồng, tính chung đạt 65,4% kế hoạch năm. Kinh phí đối ứng xây dựng cơ bản thực hiện theo đúng tiến độ thi công công trình (đã nộp 47,881 tỷ đồng; còn phải nộp năm 2019: 30,258 tỷ đồng).

- Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2017 - 2025 báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự toán giai đoạn 2018 - 2019 số tiền 51,0 tỷ đồng). Triển khai thực hiện Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 phần kinh phí bổ sung năm 2017 số tiền 7,35 tỷ đồng. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cấp cơ bản đủ kinh phí bù học phí sư phạm số tiền 50,244 tỷ đồng, miễn giảm học phí số tiền 20,945 tỷ đồng, hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số số tiền 4,067 tỷ đồng.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành xây dựng Đại học Huế bước 2, giai đoạn 1 (303,1 tỷ đồng). Làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo để đẩy nhanh tiến độ và giải quyết dứt điểm việc thẩm tra phê duyệt quyết toán các công trình dự án hoàn thành (4 dự án). Triển khai công tác kiểm toán các công trình hoàn thành năm 2017 và thẩm tra phê duyệt quyết toán các dự án hoàn thành đúng quy định. Đại học Huế phê duyệt quyết toán 7 dự án do Bộ ủy quyền và 28 dự án, công trình của các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư.

- Rà soát đội ngũ kế toán trưởng, phụ trách kế toán các đơn vị báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức tập huấn đội ngũ kế toán và ban hành hướng dẫn Quy định về chế độ kế toán áp dụng chung trong toàn Đại học Huế. Cài đặt và tập huấn sử dụng phần mềm kế toán mới cho các đơn vị theo chế độ kế toán mới tại Thông tư số 107/2017 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện điều hành công tác kế hoạch tài chính, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ năm học, kịp thời điều chỉnh chế độ tài chính các đơn vị trực thuộc.

Nhìn chung, đã thực hiện tốt công tác tài chính trong bối cảnh Đại học Huế và các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc gặp nhiều khó khăn. Phát huy tối đa tiềm lực tài chính vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và phục vụ công tác chuyên môn, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển Đại học Huế.

8.2. Tồn tại hạn chế

- Một số đơn vị nộp điều hành học phí sự nghiệp không kịp thời làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Đại học Huế. Việc triển khai thực hiện lộ trình tự chủ đại học, tự chủ tài chính còn chậm và lúng túng do Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành Thông tư hướng dẫn chung của ngành.

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện dự toán kế hoạch tài chính hàng năm của một số đơn vị chưa được chú trọng (Nhà xuất bản, Trung tâm Học liệu, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên, Trường Đại học Y Dược), ảnh hưởng đến kế hoạch chung của Đại học Huế.

- Tiến độ lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán các công trình xây dựng cơ bản còn chậm, hồ sơ chưa đầy đủ (Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Y Dược). Tình hình chấp hành kế hoạch tài chính, quyết toán, đầu tư xây dựng cơ bản, cho thuê tài sản, cơ sở vật chất một số đơn vị chưa nghiêm (Trường Đại học Nông Lâm, Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Kinh tế, Trung tâm Học liệu). Công tác tài chính đối với các khoa trực thuộc còn nhiều bất cập về cơ chế. Trường Đại học Khoa học, các trung tâm, viện không báo cáo vào tài chính chung của đơn vị.

- Việc triển khai thực hiện dự án nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh tại Trường Đại học Y Dược và Bệnh viện Trường chậm tiến độ so với kế hoạch do nội dung hợp đồng và hồ sơ mời thầu phải được phía nhà tài trợ (Chính phủ Ý) không phản đối mới thực các bước tiếp theo, thời gian có thư không phản đối quá dài.

- Công tác thẩm định quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị trực thuộc còn chậm do nội dung quy chế các đơn vị soạn thảo còn sơ sài, thiếu cập nhật các quy định hiện hành, phải chỉnh sửa nhiều lần mới hoàn chỉnh (Trường Đại học Nghệ thuật, Trường Đại học Kinh tế, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Du lịch), tổ thẩm định bận nhiều công việc chuyên môn nên chậm thẩm định quy chế.

- Việc tự bồi dưỡng, tổ chức bồi dưỡng đội ngũ kế toán, nhất là kế toán trưởng của các đơn vị chưa được quan tâm đúng mức. Do vậy, việc bổ nhiệm kế toán trưởng của một số đơn vị gặp khó khăn thiếu hụt về điều kiện nhân sự.

9. Công tác xây dựng cơ sở vật chất

9.1. Kết quả đạt được

- Hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng các công trình thuộc dự án xây dựng Đại học Huế giai đoạn II. Thực hiện dự án chống xuống cấp Cơ quan Đại học Huế, các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng đề án, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo chuyển đổi công năng hoặc bán một số cơ sở sử dụng không hiệu quả ở số 2 Lê Lợi, số 5&7 Hà Nội, số 27 Phan Đình Phùng để đầu tư khu đô thị Trường Bia, thành phố Huế.

- Hoàn thành dự án và giao đất tái định cư cho các hộ dân ở 20 Triệu Quang Phục; trình UBND tỉnh Thừa Thiên Huế điều chỉnh quy hoạch và xin chủ trương về quy hoạch làng giáo sư; điều chỉnh dự án hạ tầng 2,32 ha tái định cư và triển khai thi công theo tiến độ cấp vốn của tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Làm việc với Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Huế, các cơ quan liên quan để áp giá đền bù và cưỡng chế các hộ dân xung quanh Trường Đại học Kinh tế và Kho xăng dầu Trường Đại học Ngoại ngữ.

- Phối hợp với Ban Quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện dự án đầu tư tăng cường trang thiết bị cho các trường đại học và viện thành viên và đơn vị trực thuộc; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư cơ sở vật chất cho các đơn vị.

Nhìn chung, công tác xây dựng cơ bản triển khai đúng tiến độ; cơ sở vật chất Đại học Huế, các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc từng bước đáp ứng được nhu cầu công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

9.2. Tồn tại hạn chế

- Công tác thẩm tra, thẩm định và đền bù giải phóng mặt bằng, phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán và kế hoạch đấu thầu còn chậm.
- Công tác giải phóng mặt bằng bất cập trong nhiều khâu về chính sách, nguồn lực của Đại học Huế và địa phương dẫn đến kéo dài và tình trạng lấn chiếm không giải quyết được.
- Chưa điều phối cơ sở vật chất và thiết bị trong toàn Đại học Huế để phát huy hiệu quả sử dụng.

10. Công tác quản lý điều hành

10.1. Kết quả đạt được

- Tổ chức chương trình làm việc của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và đoàn công tác Chính phủ với cán bộ chủ chốt Đại học Huế. Tổ chức thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về xây dựng và phát triển Đại học Huế theo mô hình dự toán cấp I, tự chủ và định hướng theo đại học nghiên cứu.

- Phối hợp tổ chức buổi làm việc với Văn phòng Chính phủ và các ban ngành liên quan, khẳng định vai trò, sứ mạng và sự ổn định, phát triển của đại học Vùng trong Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học năm 2018.

- Tổ chức các buổi làm việc của lãnh đạo Đại học Huế với một số trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành.

- Đảm bảo kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành thông qua việc xây dựng, ban hành, tiếp nhận và xử lý kịp thời các văn bản chỉ đạo, quy phạm, hành chính trong Đại học Huế. Tăng cường công tác quản lý theo quy định chức năng, nhiệm vụ của Đại học Huế và các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc.

- Tổ chức họp Hội đồng Đại học Huế, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Huế, hội đàm về xây dựng và phát triển đại học Vùng. Tổ chức buổi làm việc giữa cán bộ chủ chốt Đại học Huế với Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Rà soát, ban hành quyết định phân công công tác của Giám đốc, các Phó giám đốc Đại học Huế; Quy định ký các văn bản hành chính của Đại học Huế; Quy trình công tác của Văn phòng và các ban chức năng; Quy chế công tác văn thư, lưu trữ. Tổ chức đoàn công tác kiểm tra công tác văn thư, lưu các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc; triển khai kế hoạch chỉnh lý hồ sơ tồn đọng của Đại học Huế.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác truyền thông Đại học Huế, chú trọng đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục, tư vấn, quảng bá tuyển sinh. Xây dựng và đưa vào sử dụng bộ nhận diện thương hiệu Đại học Huế.

- Xây dựng và sử dụng phân hệ chương trình quản lý văn bản tích hợp trong hệ thống Thông tin quản lý của Đại học Huế, góp phần xử lý kịp thời, linh động các văn bản quản lý, điều hành.

- Tổ chức đánh giá công chức, viên chức, người lao động và bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm. Tổ chức thực hiện công tác khen thưởng nhân dịp kỷ niệm thành lập 60 năm Đại học Huế, các trường đại học thành viên; 20 năm thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh, 10 năm thành lập Khoa Du lịch, 20 năm thành lập Bệnh viện Trường Đại học Y Dược. Tổ chức xét tặng Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú năm 2017.

Kết quả xét thi đua, khen thưởng năm học 2016 - 2017:

- + Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc: 127.
- + Giấy khen của Giám đốc Đại học Huế: 62 tập thể, 163 cá nhân.
- + Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 18 tập thể, 56 cá nhân.
- + Chiến sĩ Thi đua cấp Bộ: 22 cá nhân.
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 1 tập thể, 5 cá nhân.
- + Chiến sĩ Thi đua Toàn quốc: 1 cá nhân.
- + Huân chương Lao động hạng Nhất: 1 cá nhân.
- + Huân chương Lao động hạng Nhì: 4 cá nhân.
- + Huân chương Lao động hạng Ba: 1 tập thể, 2 cá nhân.
- + Nhà giáo Ưu tú: 12
- + Nhà giáo Nhân dân: 01.

Kết quả xét thi đua, khen thưởng năm học 2017-2018 (đang trình):

- + Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc: 120.
- + Giấy khen của Giám đốc Đại học Huế: 45 tập thể, 188 cá nhân.
- + Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 19 tập thể, 62 cá nhân.
- + Chiến sĩ Thi đua cấp Bộ: 13 cá nhân.
- + Chiến sĩ Thi đua Toàn quốc: 1 cá nhân.
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 3 tập thể, 16 cá nhân.
- + Huân chương Lao động hạng Nhì: 3 cá nhân.
- + Huân chương Lao động hạng Ba: 1 cá nhân.

- Tổ chức lễ kỷ niệm 60 năm xây dựng và phát triển Đại học Huế, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tuyên truyền sâu rộng hình ảnh, truyền thống và lịch sử xây dựng, trưởng thành của Đại học Huế và các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc; kết nối các thế hệ cựu giáo chức, cựu sinh viên trong và ngoài nước. Hoàn thành và đưa vào sử dụng Nhà truyền thống Đại học Huế.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo, khảo thí, tổ chức cán bộ tại các trường đại học và viện thành viên, đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh, khắc phục theo kết luận của đoàn thanh tra.

- Phối hợp với Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng lớp công tác viên thanh tra giáo dục cho 58 viên chức Đại học Huế. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có quyết định công nhận 24 viên chức Đại học Huế là công tác viên thanh tra giáo dục của Bộ nhiệm kỳ 2018 – 2021.

- Chỉ đạo các trường đại học và viện thành viên, đơn vị trực thuộc tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết dứt điểm, đúng quy trình, quy định của pháp luật. Tổ chức tiếp nhận, xử lý và trả lời đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo. Triển khai công tác kiểm tra, giám sát; thực hiện các kiến nghị, kết luận thanh tra.

- Phát huy vai trò công tác pháp chế, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho công chức, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Đại học Huế.

Nhìn chung, công tác quản lý điều hành có nhiều đổi mới, nhiều kết quả mang tính đột phá, góp phần nâng vị thế của Đại học Huế, các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các trường đại học, viện thành viên, đơn vị trực thuộc được tăng cường, từng bước chấn chỉnh việc thực hiện theo đúng các văn bản quy phạm pháp luật.

10.2. Tồn tại hạn chế

- Việc chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng Đại học Huế, các quyết định hành chính của Đại học Huế các yêu cầu báo cáo của một số đơn vị chưa nghiêm; kết quả công tác cải cách hành chính, công tác lưu trữ chưa hiệu quả.

- Các trường đại học thành viên chưa sử dụng các phần mềm dùng chung của Đại học Huế dẫn đến công tác quản lý, điều hành chưa được thông suốt.

- Việc thống nhất tên miền trong ĐHH chưa thực hiện thống nhất, ảnh hưởng đến công tác quản lý điều hành và đánh giá, xếp hạng đại học.

- Một số trường đại học thành viên chưa quán triệt và thực hiện đúng quy định về tên tiếng Việt, tiếng Anh của đơn vị trong các văn bản hành chính, các hoạt động chuyên môn và các thông tin trên các phương tiện truyền thông.

11. Công tác Đảng – Đoàn thể

11.1. Kết quả đạt được

- Tổ chức rà soát chính trị nội bộ trong quy hoạch cán bộ giai đoạn 2019 - 2026. Hướng dẫn các đảng ủy, chi ủy cơ sở tổ chức kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm.

- Xây dựng, triển khai chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 26-KH/ĐU, ngày 27/4/2018 của Đảng ủy Đại học Huế về thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW của Bộ Chính trị. Lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cơ sở và cán bộ chủ chốt Đại học Huế xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 5, 6, 7, 8 (khóa XII) và chỉ đạo các đảng ủy, chi ủy cơ sở triển khai thực hiện.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Nghị quyết chuyên đề số 58-NQ/ĐU, ngày 20/6/2018 “về tăng cường công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục đề hội nhập quốc tế giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”; Kế hoạch số 28 và 29-KH/ĐU về thực hiện việc kiểm tra, rà soát công tác cán bộ các trường đại học thành viên giai đoạn 2014 - 2018; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 84-KL/TU ngày 5/3/2018 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết chuyên đề số 15-NQ/ĐU của Đảng ủy Đại học Huế; 2 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW; 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung (Khóa X); 10 năm thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị; 5 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; 10 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (Khóa X).

- Tổ chức 2 lớp bồi dưỡng lớp Đảng viên mới cho hơn 400 đảng viên dự bị; hướng dẫn, tổ chức 12 lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng cho hơn 2.400 quần chúng ưu tú của các đảng bộ, chi bộ cơ sở.

- Tổ chức Đại hội Công đoàn Đại học Huế, Đại hội Hội Cựu chiến binh Đại học Huế, Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2017 – 2022, Hội nghị giữa nhiệm kỳ 2015-2020 Hội Sinh viên Đại học Huế; tổ chức Cuộc thi “Tìm hiểu Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Hội thảo khoa học “Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 – Bài học lịch sử”.

- Công đoàn Đại học Huế thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa công vụ; chăm lo quyền lợi và lợi ích vật chất, tinh thần cho người lao động; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; 3 năm phong trào thi đua “Giỏi việc trường – Đảm việc nhà”; 10 năm thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là mỗi tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo. Ban hành Quy chế phối hợp giữa Giám đốc Đại học Huế và Công đoàn Đại học Huế. Xây dựng nhà công vụ giáo viên cho Trường Tiểu học Kỳ Thượng (Hà Tĩnh), nhà công vụ giáo viên huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi). Tổ chức các giải cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn.

- Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Đại học Huế xây dựng tổ chức các kế hoạch hoạt động hàng năm; các chương trình tiếp sức mùa thi, tình nguyện hè, tài năng sinh viên, xây dựng các câu lạc bộ, mô hình thư viện sách chuyên tay, tham gia cuộc thi Star Awards 2018, chương trình tặng vé xe cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về quê đón tết, chương trình Ngày hội Xuân hồng.

Nhìn chung, công tác Đảng, Đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Công đoàn Đại học Huế phối hợp tổ chức tốt các hoạt động chuyên môn, tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa; Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Đại học Huế tiếp tục phát huy vai trò trong các hoạt động và phong trào sinh viên.

11.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác xây dựng Đảng chưa được đầu tư thời gian, công sức tương xứng; hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Đại học Huế thiếu tính kế hoạch và chưa gắn kết hoạt động nghề nghiệp của sinh viên nên không hấp dẫn; giải pháp khởi nghiệp trong sinh viên còn rất yếu, thiếu sáng tạo.

- Số lượng cán bộ chuyên trách công tác Đảng, Đoàn thể còn ít, chưa đáp ứng so với khối lượng công việc và qui định của Đảng, các tổ chức Đoàn thể.

II. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Quán triệt nghiêm túc, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

2. Phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí trong Đảng ủy, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể Đại học Huế; sự đồng thuận trong cán bộ, viên chức lao động và học sinh, sinh viên.

3. Chủ động sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện, đặc biệt là vai trò của tập thể cán bộ chủ chốt Đại học Huế; sự phối hợp chặt chẽ của các ban chức năng, các bộ phận tham mưu.

4. Bám sát và tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sự giúp đỡ, hỗ trợ của Văn phòng Chính phủ, các bộ, ban, ngành trung ương và địa phương; kịp thời đề ra các chủ trương và giải pháp để chỉ đạo, điều hành, thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm.

5. Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế. Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có chức danh, trình độ cao, bản lĩnh chính trị vững vàng, tâm huyết với nghề nghiệp, có khả năng giao lưu và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

6. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong xây dựng và thực hiện nhiệm vụ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tạo điều kiện công chức, viên chức, người lao động yên tâm công tác, gắn bó, tập trung công sức, trí tuệ xây dựng và phát triển Đại học Huế.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2018 – 2019, 2019 – 2020

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa tạo điều kiện thuận lợi để hợp tác, phát triển khu vực và trên thế giới.

- Cả nước tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016 – 2021. Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Luật sửa đổi một điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018 đã được Quốc hội ban hành.

2. Khó khăn

- Toàn cầu hoá bước vào giai đoạn phát triển sâu rộng, đặt ra thách thức lớn cho công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục. Mô hình kinh tế thay đổi và phát triển nhanh, nhu cầu lao động mới nên nhiều ngành đào tạo truyền thống, khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm không tuyển sinh được sinh viên dẫn đến nguồn thu hạn chế, việc làm của nhiều lao động và cả biên chế bị đe dọa. Đầu tư công và chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước giảm mạnh.

- Hệ thống văn bản quy định của nhà nước chưa nhất quán, nhất là các nghị định, thông tư hướng dẫn về tự chủ khiến các đơn vị gặp khó khăn trong quá trình triển khai tự chủ đại học.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2018-2019, 2019-2020

1. Công tác chính trị tư tưởng

- Đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng trong toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Đổi mới phương pháp tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ viên chức, lao động nhằm tạo sự thống nhất và hành động trong thực hiện chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học và sáng tạo”; các chủ trương và các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục.

2. Công tác tổ chức cán bộ

- Hoàn thiện đề án tái cấu trúc Đại học Huế trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Triển khai xây dựng đề án thành lập Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục. Xây dựng đề án thành lập Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ hoạt động theo mô hình trung tâm điều hành chung cấp Đại học Huế và các trung tâm chi nhánh tại các đơn vị.

- Phối hợp với Đại học Đà Nẵng, Đại học Thái Nguyên đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thông tư mới thay thế Thông tư 08/2014 phù hợp với Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học và nghị định về tự chủ đại học.

- Ban hành quy định về chế độ thỉnh giảng; Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển và chế độ phụ cấp chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; Quy định về tuyển dụng lao động hợp đồng trong Đại học Huế.

- Tổ chức hội nghị tổng kết 3 năm thực hiện đề án vị trí việc làm; xây dựng đề án vị trí việc làm Đại học Huế trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Phê duyệt đề án vị trí việc làm các trường đại học và viện thành viên, đơn vị trực thuộc giai đoạn 2019 - 2021 theo hướng tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đơn vị.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý cấp Đại học Huế nhiệm kỳ 2021 – 2026; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý để triển khai công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý nhiệm kỳ 2019 – 2024 đảm bảo đúng quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức; phấn đấu đến năm 2020 có 700 tiến sĩ, 350 giáo sư, phó giáo sư; trong đó, 60% cán bộ giảng viên là giáo sư, phó giáo sư và giảng viên chính; đảm bảo tỷ lệ hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ đào tạo và giảng dạy của giảng viên là 3/1/6.

- Tăng cường kiểm tra giám sát công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt là công tác quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý, tuyển dụng viên chức. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động, đảm bảo dân chủ, công khai, động viên được viên chức lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Công tác đào tạo

- Tiến hành tái cấu trúc ngành nghề đào tạo đảm bảo hợp lý, phù hợp với tiêu chí đại học nghiên cứu. Tỷ lệ các chương trình đào tạo có định hướng nghiên cứu đạt trên 40%, quy mô đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ trên tổng quy mô đào tạo theo định hướng nghiên cứu đạt trên 40%. Duy trì số lượng ngành đào tạo đại học từ 121 đến 130 ngành, phát triển các chuyên ngành đào tạo cao học lên

80 đến 90 chuyên ngành, 55 đến 60 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Phần đầu có 25 đến 30 chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài, chương trình có thoả thuận công nhận tín chỉ, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

- Tiếp tục xây dựng và triển khai 8 đến 10 chương trình đào tạo song ngữ Việt – Anh hướng đến trao đổi tín chỉ với một số trường đại học khu vực Đông Nam Á. Triển khai thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với Viện Công nghệ Dublin và Đại học Phần Lan; mở rộng ngành nghề và hình thức đào tạo nhân lực cho nước bạn Lào.

- Thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo các bậc học, ít nhất 10% thời lượng các chương trình đào tạo dành cho hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, tọa đàm chuyên môn, hội thảo với sự tham gia của giảng viên thỉnh giảng; mỗi ngành, nhóm ngành đào tạo có ít nhất 1 nhóm giảng dạy – nghiên cứu khoa học hiệu quả, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Tăng cường các học kỳ doanh nghiệp đối với các chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đảm bảo quản lý chặt chẽ công tác đào tạo. Đẩy mạnh đào tạo sau đại học các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên, Quảng Trị, Nghệ An và các tỉnh thành trong khu vực.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra thực hiện quy chế đào tạo, đặc biệt là hệ đào tạo bậc đại học không chính quy liên kết với các địa phương.

4. Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục

- Xây dựng và thực hiện công tác quảng bá tuyển sinh theo hướng hiệu quả. Phần đầu tuyển sinh đạt kết quả tốt so với chỉ tiêu.

- Tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục hậu kiểm định. Triển khai kế hoạch kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cấp quốc gia, tiêu chuẩn AUN-QA và các tổ chức kiểm định quốc tế.

- Năm học 2018 – 2019, mỗi trường đại học thành viên, khoa trực thuộc có ít nhất 1 đến 3 chương trình đào tạo hoàn thành tự đánh giá, đăng ký kiểm định theo chuẩn quốc gia và AUN – QA.

- Năm học 2019 – 2020, phần đầu có 40 đến 50 chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng cấp quốc gia, 5 đến 8 chương trình tham gia kiểm định chất lượng AUN-QA.

- Xây dựng và đồng bộ cơ sở dữ liệu để tham gia xếp hạng Đại học Huế theo QS Asia Rankings và Webometrics. Phần đầu đến năm học 2019 – 2020, Đại học Huế hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn và thống nhất để tăng điểm xếp hạng trong hệ thống xếp hạng của QS Asia Rankings và Webometrics.

5. Công tác quản lý học sinh, sinh viên

- Nắm bắt kịp thời tình hình, có biện pháp quản lý sinh viên hiệu quả. Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị cho học sinh sinh viên, quan tâm đến việc giáo dục đạo đức lối sống, ý thức trách nhiệm, thái độ học tập rèn luyện của sinh viên; tổ chức các phong trào, các hoạt động phòng chống tiêu cực, tệ nạn xã hội trong sinh viên.

- Đẩy mạnh hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trong đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động. Định hướng, hỗ trợ phát triển hệ thống các câu lạc bộ nghề nghiệp, công tác xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao trong học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm, hỗ trợ kiến thức khởi nghiệp cho sinh viên.

- Đổi mới nội dung, phương pháp công tác quản lý sinh viên phù hợp với chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ và yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong xu thế hội nhập toàn cầu. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả quản lý ký túc xá sinh viên.

6. Công tác khoa học công nghệ

- Tiếp tục điều tiết kinh phí về hoạt động khoa học công nghệ tập trung theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP; đảm bảo tài chính ở mức cần thiết cho công tác đào tạo, khoa học công nghệ, kiểm định chất lượng giáo dục.

- Phấn đấu đến năm học 2019 – 2020, tăng nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chiếm 10 - 15% tổng các nguồn thu của Đại học Huế. Có ít nhất 8 đến 12 công trình/sản phẩm được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, 5 đến 8 sản phẩm có thương hiệu.

- Đầu tư, thúc đẩy các nhóm nghiên cứu mạnh hoạt động có hiệu quả, cam kết sản phẩm nghiên cứu có khả năng chuyển giao công nghệ và thương mại hóa, công bố quốc tế; phấn đấu mỗi nhóm nghiên cứu mạnh gắn với 01 chương trình Quốc gia hoặc chương trình cấp Bộ.

- Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các tỉnh thành trong nước và với các nước trong khu vực, trên thế giới, phấn đấu có ít nhất 01 chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại mỗi tỉnh khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

- Tiếp tục xây dựng Tạp chí Khoa học Đại học Huế hội nhập hệ thống tạp chí khoa học quốc tế, phấn đấu có 1-2 chuyên san có mặt trong hệ thống Asean Citation Index, hướng đến có chuyên san trong danh mục SCOPUS. Xây dựng Quỹ phát triển khoa học công nghệ Đại học Huế.

- Thúc đẩy hoạt động Viện Công nghệ sinh học theo mô hình mới có hiệu quả. Đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Xây dựng

mô hình TTO chung trong toàn Đại học Huế, gắn sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ với chương trình khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng các chương trình nghiên cứu quốc tế đa ngành và cơ sở dữ liệu sản phẩm khoa học công nghệ; đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ, ươm tạo và đăng ký thương mại các sản phẩm khoa học công nghệ.

7. Công tác hợp tác quốc tế

- Rà soát, triển khai các chương trình hợp tác đã ký kết; tìm kiếm đối tác mới trong liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, trao đổi sinh viên và giảng viên, đảm bảo chất lượng giáo dục và nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị đại học.

- Tiếp tục xây dựng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế, ưu tiên đề án đào tạo liên kết với các đại học Lào và Myanmar, Campuchia. Đẩy mạnh các chương trình hợp tác với các nước Nhật Bản, Hàn Quốc; xây dựng quan hệ chiến lược với một số tổ chức quốc tế: EU, VLIR-UOS, Wallonie-Bruxelles, VEF, AUF và các tổ chức hợp tác phát triển quốc tế; khai thác các chương trình hợp tác từ mạng lưới các đại học (ASEA-UNINET, VBFoodNet, VIFINet, CONFRASIE).

- Thúc đẩy phối hợp với các đối tác châu Âu thông qua dự án nâng cao năng lực của khối Cộng đồng chung Châu Âu để phát triển các chương trình hợp tác nghiên cứu giữa Đại học Huế và các đại học về kỹ thuật - công nghệ như Đại học Công nghệ VUB (Bi), Đại học Aveiro (Bồ Đào Nha), Đại học Công nghệ Dresden (Đức), Đại học Cergy Pontoise (Pháp); với các đại học thuộc khối Khoa học Xã hội - Nhân văn như Đại học Porto (Bồ Đào Nha) và Đại học Science Po Lille (Pháp).

- Thông qua kết quả thực hiện Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 giai đoạn 2017 - 2025 về phát triển các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh (3 chương trình năm 2018 và dự kiến 10-15 chương trình khác trong năm 2019), đề án thành lập Khoa Quốc tế để xây dựng Đề án trao đổi và thu hút sinh viên quốc tế đến học tập và nghiên cứu tại Đại học Huế với quy mô 150-200 sinh viên/ năm.

8. Công tác kế hoạch tài chính

- Phối hợp với Ban Tổ chức cán bộ tổ chức các điều kiện thực hiện lộ trình tự chủ đại học đối Trường Đại học Y Dược, Trường Đại học Luật, Trường Đại học Kinh tế từ năm 2019; Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Nghệ thuật, Phân hiệu Quảng Trị thực hiện theo cơ chế đặt hàng của Nhà nước, đào tạo đặc thù; các viện nghiên cứu, trung tâm, nhà xuất bản thực hiện tự chủ tài chính hoàn toàn từ năm 2019.

- Tiếp tục triển khai các nội dung của Thông báo kết luận số 38/TB-VPCP ngày 24/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về kinh phí đền bù, giải phóng mặt

bằng khu đô thị Đại học Huế tại Trường Bia 120 tỷ đồng; dự án Đại học Huế giai đoạn III 128 tỷ đồng; tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo dự án Viện Công nghệ Sinh học kinh phí 80 tỷ/900 tỷ đồng; phương án đơn vị dự toán cấp 1. Điều chỉnh Dự án hạ tầng 2,32 ha phục vụ tái định cư và trình UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp vốn để tiếp tục thi công. Thực hiện áp giá đền bù đợt 2 xung quanh Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Ngoại ngữ và các vùng khác.

- Điều hành tài chính về hoạt động khoa học công nghệ tập trung theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ, ưu tiên hỗ trợ tài chính cho hoạt động khoa học công nghệ có xuất bản quốc tế trên các danh mục ISI/SCIE/Scopus; nhóm nghiên cứu mạnh, hỗ trợ các đề tài ứng dụng vào thực tiễn; hỗ trợ ươm tạo và chuyển giao khoa học công nghệ.

- Cân đối nguồn vốn đối ứng kinh phí các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn II và III. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quyết toán các công trình xây dựng, giải quyết dứt điểm các hồ sơ dự án còn tồn đọng (giai đoạn I và Phân hiệu Quảng Trị). Tập trung phê duyệt quyết toán và các công trình thuộc thẩm quyền của Đại học Huế.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ tài chính cho các nhiệm vụ trọng tâm và có tính chiến lược như: Công tác kiểm định chất lượng, chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, đào tạo liên kết có yếu tố nước ngoài; công tác hợp tác quốc tế; hỗ trợ đơn vị có giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành chung, xây dựng đại học thông minh - Smart HU; đào tạo bồi dưỡng cán bộ trẻ diện quy hoạch quản lý cấp Đại học Huế và các đơn vị; cân đối tài chính để có nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện tái cấu trúc Đại học Huế; trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và quỹ phúc lợi chung Đại học Huế.

- Chủ động chuẩn bị các số liệu cơ bản, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ về ngân sách 2019 để đăng ký làm việc trực tiếp với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó, lưu ý đến các đặc thù của Đại học Huế để đề xuất kinh phí (chi phí hành chính đại học vùng; kinh phí sửa chữa, chống xuống cấp; xây dựng đại học thông minh - Smart HU; trường chuyên biệt; ngành chuyên biệt: Lao, phong, tâm thần, pháp y, giải phẫu bệnh; ngành đặc thù; khoa học cơ bản; trường THPT Thuận Hoá; Phân hiệu Quảng Trị). Chuẩn bị và tổ chức Hội nghị ngân sách năm 2019.

- Đôn đốc các đơn vị giải quyết dứt điểm nợ điều hành học phí sự nghiệp, đối ứng xây dựng cơ bản và có chế tài xử lý với những đơn vị chậm thực hiện. Tăng cường kiểm tra, giám sát trách nhiệm thực hiện kế hoạch, chấp hành chế độ chính sách và quyết toán tài chính trong tất cả các đơn vị.

9. Công tác xây dựng cơ sở vật chất

- Tập trung đầu tư phát triển đô thị Đại học Huế tại Khu quy hoạch Trường Bia, xây dựng Đại học Huế giai đoạn III theo kế hoạch trung hạn 2016 – 2020 của Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục đề xuất việc chuyển đổi công năng theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ với các cơ sở của Đại học Huế ở trung tâm thành phố thành các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và liên kết đào tạo có nguồn thu, lấy nguồn kinh phí chuyển đổi để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ở Khu quy hoạch Trường Bia. Trước mắt, Đại học Huế sẽ đầu tư xây dựng hoàn thiện các nhà học, hội trường của các trường đại học thành viên ở Trường Bia (Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật), từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng Khoa Du lịch, Khoa Quốc tế và Bệnh viện Trường Đại học Y Dược.

- Điều chỉnh Dự án hạ tầng 2,32 ha phục vụ tái định cư và trình UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp vốn để tiếp tục thi công. Thực hiện áp giá đền bù đợt 2 xung quanh Trường Đại học Kinh tế.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất dùng chung, rà soát và điều phối cơ sở vật chất, thiết bị trong toàn Đại học Huế. Triển khai các gói thầu mua sắm thiết bị thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu và một số dự án đầu tư thiết bị khác.

10. Công tác quản lý điều hành

- Tiếp tục làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành liên quan để thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và phát triển Đại học Huế theo mô hình dự toán cấp I, tự chủ, phát triển Đại học Huế theo định hướng đại học nghiên cứu.

- Bổ sung, ban hành các văn bản quản lý, điều hành; đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch công tác định kỳ của Đại học Huế và các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc.

- Tiếp tục tăng cường công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Nâng cấp Hệ thống thông tin quản lý Đại học Huế, xây dựng và triển khai đề án phát triển Cổng thông tin điện tử theo hướng đáp ứng các tiêu chuẩn xếp hạng đại học của Webometrics và các tiêu chuẩn của tổ chức xếp hạng quốc tế.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục, bám sát chủ trương, chỉ thị của ngành giáo dục về công tác trọng tâm của ngành, các chủ trương công tác, kết quả hoạt động của Đại học Huế, các trường đại học và viện thành viên, đơn vị trực thuộc. Thực hiện thống nhất sử dụng tên miền chung của Đại học Huế,

tên gọi tiếng Anh, tiếng Việt trong toàn Đại học Huế để nâng cao hiệu quả quản lý điều hành và phát huy lợi thế trong quá trình xếp hạng đại học.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra giám sát thường xuyên việc thực hiện quy chế đào tạo, quy chế thi, kỷ cương nề nếp giảng dạy, học tập và những điều kiện cần thiết khác nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục; công tác tuyển dụng viên chức, lao động; việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để phát sinh khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài.

11. Công tác Đảng – Đoàn thể

- Kiện toàn các ban chức năng của Đảng uỷ Đại học Huế, bổ sung cấp uỷ Đại học Huế và các đảng bộ cơ sở.

- Triển khai công tác rà soát chính trị nội bộ cán bộ được quy hoạch, phối hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm viên chức quản lý các trường đại học thành viên nhiệm kỳ 2019 – 2024.

- Thành lập ban tổ chức, chuẩn bị và tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ Đại học Huế lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Công đoàn Đại học Huế tiếp tục thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa công vụ; chăm lo quyền lợi và lợi ích vật chất, tinh thần cho người lao động và tham gia với chính quyền trong việc thực hiện công tác chuyên môn.

- Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh Đại học Huế xây dựng và triển khai các hoạt động theo kết hoạch hằng năm.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2016 – 2017, 2017 – 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020 của Đại học Huế. Căn cứ phương hướng nhiệm vụ cụ thể, Văn phòng, các ban chức năng, Văn phòng Đảng – Đoàn thể Đại học Huế, các trường đại học và viện thành viên, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020 của đơn vị. Giám đốc Đại học Huế và Ban Thường vụ Công đoàn Đại học Huế kêu gọi toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong toàn Đại học Huế nỗ lực phấn đấu, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ đã đề ra./.

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TÀI CHÍNH CỦA ĐẠI HỌC HUẾ
NĂM 2018 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019

Năm 2018 là năm 4 thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ chế và điều hành tài chính tại Đại học Huế đi vào ổn định và hiệu quả, chủ động tạo nguồn thu, tiết kiệm chi, bố trí hợp lý các khoản chi trong dự toán ngân sách được giao. Đại học Huế gồm có 21 đầu mối thực hiện tài chính (bao gồm các Trường, Viện, khoa và các đơn vị trực thuộc); Trung tâm Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đang hoạt động theo mô hình phụ thuộc và Viện Nghiên cứu Giáo dục và Giao lưu quốc tế mới thành lập năm 2018.

1. Thuận lợi

1.1. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp được giao theo kế hoạch ngay từ đầu năm.

1.2. Thực hiện quy định mức thu học phí mới theo học chế tín chỉ, niên chế, miễn giảm học phí và thanh toán nội bộ trong Đại học Huế (quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 1072/QĐ-ĐHH ngày 01/9/2016 của Giám đốc Đại học Huế; Quyết định số 926/QĐ-ĐHH ngày 01/9/2017 về việc sửa đổi quy định mức thu học phí, miễn giảm học phí và thanh toán nội bộ trong Đại học Huế từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021); Quyết định điều chỉnh mức thu các chứng chỉ ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Ký túc xá sinh viên dẫn đến nguồn thu của Đại học Huế tăng khá so với trước đây.

1.3. Điều hành, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí xây dựng cơ bản, chương trình nâng cao năng lực, phục vụ cho các công trình, thiết bị trọng điểm, tập trung nhằm đáp ứng, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1.4. Đại học Huế đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đại học chung và các đơn vị căn cứ ban hành Quy chế CTNB nhằm quản lý các nguồn thu - chi một cách hợp lý, sử dụng đúng mục đích, phù hợp với khả năng, tình hình thực tế như: Chế độ khoán điện thoại, công tác phí thường xuyên, tiền lương tăng thêm, chế độ chi hội nghị, tập huấn, thanh toán thuê mướn, chế độ bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho CCVCLĐ.

1.5. Đại học Huế đã thẩm định và phê duyệt Quy chế CTNB cho các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc để quản lý tài chính, tài sản đúng quy định, nề nếp.

2. Khó khăn

2.1. Là năm thứ 5 thực hiện Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ GD&ĐT tuy nhiên vẫn còn có những khó khăn, vướng mắc nhất định (sáp nhập tài chính của 2 khoa, phân cấp ủy quyền về tài chính - tài sản...).

2.2. Kinh phí ngân sách nhà nước Bộ GD&ĐT giao giảm qua các năm, kinh phí giao chưa tương xứng với quy mô và yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, phần kinh phí giao từ Bộ GD&ĐT cho chi phí hành chính đại học vùng quá ít (2,0 tỷ). Mức tăng thu học phí vẫn chưa tương xứng với mức tăng của giá cả các hàng hóa, chi phí hành chính, thuê mướn, chi cho con người ngày càng tăng.

2.3. Kinh phí điều hành học phí từ Trung tâm giáo dục Thường xuyên giảm nhanh qua các năm: năm 2015: 10,8 tỷ đồng, năm 2016: 4,98 tỷ đồng, năm 2017: 1,344 tỷ đồng, năm 2018: 0 đồng.

2.4. Cơ cấu tài chính trong các công trình xây dựng cơ bản là: 70% NSNN và 30% tự đối ứng của đơn vị dẫn đến khả năng đối ứng của Đại học Huế và các đơn vị rất khó khăn.

2.5. Những khó khăn về nguồn thu của các đơn vị: Trường Đại học Nghệ thuật, Khoa GDTC, Viện CNSH, Viện NCGD và GLQT, Trung tâm CNTT... cần có sự chia sẻ, hỗ trợ về tài chính từ Đại học Huế.

2.6. Việc thành lập các quỹ (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi...) để điều hành chung trong toàn Đại học Huế chưa thực hiện được.

3. Tình hình công tác tài chính

3.1. Tổng nguồn kinh phí năm 2018 của Đại học Huế là 1.199 tỷ đồng, dự toán năm 2019 là 1.463 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn năm 2015-2020 là 9,8%/năm, tương ứng tăng 112,2 tỷ đồng/năm.

Trong năm 2018, cơ cấu tổng ngân sách của Đại học Huế: thu tại đơn vị chiếm 67,2% và từ ngân sách nhà nước cấp chiếm 28,9%. Trong cơ cấu ngân sách nhà nước cấp trong năm 2018 thì ngân sách chi thường xuyên chiếm 73,8%, chi không thường xuyên là 12,2% và chi đầu tư XDCB là 14%.

Năm 2018, Đại học Huế thực hiện Chương trình kinh phí duy tu, sửa chữa thiết bị PTN Viện CNSH 10 tỷ đồng, Dự án duy tu, bảo dưỡng nâng cao năng lực PTN Vật lý Trường Đại học Khoa học 4,546 tỷ đồng; khen thưởng bài báo quốc tế 592 tr.đ. Ngoài ra, Đại học Huế được Bộ GD&ĐT quan tâm hỗ trợ thêm: kinh phí sửa chữa lớn 20 tỷ đồng; các đơn vị (KH, YD, NL, KT, NG.NG, NT,

Viện TNMT, Khoa DL) được hỗ trợ đầu tư trang thiết bị tăng cường năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tổng số tiền là 35,0 tỷ đồng nên góp phần nâng cao năng lực NCKH, hỗ trợ đào tạo, chỉnh trang, tu sửa lại các công trình của đơn vị.

3.2. Ước tổng chi các hoạt động Đại học Huế năm 2018 là: 1.199 tỷ đồng; trong cơ cấu tổng số chi, chi nghiệp vụ chuyên môn chiếm tỷ lệ lớn nhất số tiền 476,61 tỷ đồng, tương ứng 39,8%; chi cho thanh toán cá nhân số tiền 466,01 tỷ đồng, tỷ lệ 38,9%, chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ số tiền 137,26 tỷ đồng, tỷ lệ 11,4% và trích lập quỹ, chi khác 119,11 tỷ đồng, tỷ lệ 9,9%.

- Dùng nguồn NSNN cấp với tổng số tiền 9,805 tỷ đồng để chi cho các hoạt động chung của Đại học Huế như: Bổ sung chương trình giảng dạy; Bổ sung quỹ khuyến khích tài năng; Hỗ trợ hoạt động đoàn thể; Chi quỹ khen thưởng Đại học Huế; chi mạng thông tin quản lý Đại học Huế; hoạt động kiểm định, đánh giá CLGD, xếp hạng đại học; Hỗ trợ Hội đồng đại học vùng, Hội đồng khoa học đào tạo; Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền tuyển sinh; Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, tư vấn việc làm; Hỗ trợ hợp tác quốc tế; Hỗ trợ bồi dưỡng đào tạo cán bộ; Hỗ trợ nâng cấp CNTT của Đại học Huế (Web, tên miền, phần mềm dùng chung, phần mềm kế toán mới).

3.3. Số dư các loại quỹ và nguồn kinh phí thường xuyên năm 2017 chuyển sang năm 2018 tiếp tục sử dụng của các đơn vị trong toàn Đại học Huế là 628,4 tỷ đồng (chia ra: các loại quỹ là 323,5 tỷ đồng, nguồn kinh phí thường xuyên là 304,9 tỷ đồng). Đây là nguồn tài chính quan trọng để các đơn vị chuẩn bị các điều kiện tự chủ và đầu tư xây dựng CSVC, ổn định thu nhập cho CCVCLĐ của đơn vị. Trong nguồn tài chính này, Trường Đại học Y Dược có số dư lớn nhất với tổng số tiền là 286,7 tỷ đồng, chiếm đến 45,6% tổng nguồn tài chính chuyển sang năm 2018 trong toàn Đại học Huế.

3.4. Tính đến ngày 24/12/2018 các đơn vị đã nộp điều hành 22,619 tỷ đồng (*chia ra: điều hành học phí: 12,126 tỷ đồng; KHCN: 10,493 tỷ đồng*) đạt 64,9%/kế hoạch năm 2018 (kể cả số nợ năm 2017 trở về trước); Số còn nợ điều hành học phí là 11,991 tỷ đồng.

3.5. Tính đến ngày 24/12/2018, các đơn vị đã nộp đối ứng các công trình XDCB số tiền 47,881 tỷ đồng; Số kinh phí còn phải đối ứng các công trình XDCB là 30,258 tỷ đồng (cho 8 đơn vị có công trình là: KH, Luật, Ngoại ngữ, YD, Sư phạm, Nông lâm và ĐHH).

3.6. Ngoài chính sách tiền lương cơ bản theo quy định, các đơn vị đã đưa ra các biện pháp nhằm tăng thu, tiết kiệm chi nhằm nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần cho CCVCLĐ.

- Quỹ tiền lương năm 2018 (biên chế và hợp đồng diện 68) của Đại học Huế là 283,3 tỷ đồng (chưa tính các khoản trích bảo hiểm theo lương). Trong đó, Bộ GD&ĐT cấp kinh phí là 110,2 tỷ đồng, tương ứng bằng 38,9% quỹ tiền lương toàn Đại học Huế, phần còn lại do đơn vị tự đảm bảo số tiền 173,1 tỷ đồng, tương ứng là 61,1%.

3.7. Thu nhập bình quân/người, các chế độ chi cho con người (lương chia thêm, phúc lợi) của các đơn vị từ 3,8 trđ/ng/tháng đến 12,5 trđ/ng/tháng; Một số đơn vị có mức thu nhập bình quân/người đạt mức khá như: Trường ĐHKT, Trường ĐHSP, Trường ĐHNL...); Trường ĐHNT và các đơn vị trực thuộc mức thu nhập bình quân/người còn thấp.

Thu nhập của CCVCLĐ Đại học Huế cơ bản còn phụ thuộc vào lương cơ bản, chưa có nguồn thu dịch vụ, thu khác để cải thiện đời sống cho CCVCLĐ.

4. Đề xuất kiến nghị

4.1. Cần rà soát lại định biên các đơn vị theo Đề án việc làm, Đề án tái cấu trúc để nâng cao hiệu quả công việc, tăng thu nhập – giảm chi phí của đơn vị.

4.2. Thực hiện tiết kiệm các khoản chi như: chế độ khoán điện thoại, điện, nước, văn phòng phẩm, công tác phí thường xuyên, chế độ chi hội nghị, tập huấn, thanh toán thuê mướn... để giảm chi phí hành chính tại đơn vị./.

BAN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2014 - 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2018 - 2020

Ban Thanh tra nhân dân (TTND) Đại học Huế do Hội nghị đại biểu công chức, viên chức (CBVC) Đại học Huế lần thứ VIII nhiệm kỳ 2014 - 2018 bầu ra gồm có 07 thành viên:

Ông Lê Trọng Thực: Trưởng ban.

Ông Phạm Thế Kiên: Phó Trưởng ban

Ông Nguyễn Văn Bắc: Ủy viên

Bà Lê Thị Nam Thuận: Ủy viên.

Ông Đào Nguyên Phi: Ủy viên.

Ông Nguyễn Tuấn Khanh: Ủy viên.

Ông Trần Thanh Phước: Ủy viên.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2014 - 2018

1. Kết quả đạt được

Căn cứ Luật Công đoàn năm 2012;

Căn cứ Hướng dẫn số 09/HD-CĐN ngày 01/12/2014 của Công đoàn Giáo dục Việt Nam về việc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 1271/HD-TLĐ ngày 07/8/2017 của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn Công đoàn với việc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định tại Nghị định số 159/2016/NĐ-CP;

Với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Ban TTND là giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức; giám sát việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, cá nhân; chú trọng giám sát việc sử dụng kinh phí hoạt động, việc chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản, việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và thực hiện các chế độ, chính sách đối với CBVC; theo dõi, giám sát việc xử lý khiếu nại, tố

cáo, giải quyết vụ việc tham nhũng, lãng phí và thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm toán.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban TTND được Ban Thường vụ Công đoàn Đại học Huế trực tiếp chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động. Ban TTND đã xây dựng “Quy chế tổ chức và hoạt động” trình Ban thường vụ Công đoàn Đại học Huế phê duyệt; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động toàn khóa và từng năm học; thành lập 02 Tiểu ban công tác và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban TTND theo dõi, giám sát các trường đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc Đại học Huế.

Ban TTND Đại học Huế thực hiện nhiệm vụ giám sát này thông qua nhiều hình thức và biện pháp linh hoạt: Nghiên cứu các báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm học của chính quyền và Công đoàn; nghiên cứu Quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản quy định liên quan đến chế độ, chính sách đối với CBVC; tham khảo Kết luận thanh tra việc thực hiện quy chế tuyển sinh, đào tạo, liên kết đào tạo, công tác tổ chức cán bộ, công tác tài chính và công tác phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo ...

Kết quả giám sát cho thấy:

Lãnh đạo Đại học Huế và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc đã bám sát nghị quyết của Đảng, chủ trương công tác của ngành, chiến lược phát triển của Đại học Huế để xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm học. Ban TTND nhất trí với báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ các năm học trong nhiệm kỳ 2014- 2018 của Đại học Huế, Ban TTND Đại học Huế báo cáo cụ thể như sau:

a) Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự

Lãnh đạo Đại học Huế rất quan tâm và triển khai nhiều giải pháp nhằm kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, viên chức; quan tâm đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu của một đại học đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao.

Công tác tổ chức nhân sự có nhiều tiến bộ, công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá giảng viên, cán bộ viên chức theo đúng các quy định của Nhà nước: Đảm bảo đủ tiêu chuẩn, thực hiện đúng quy trình, dân chủ, minh bạch, công khai.

Tuy nhiên, một số đơn vị trực thuộc ĐHH chưa thực hiện đầy đủ theo quy định về tuyển dụng viên chức, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ do ĐHH ban hành.

b) Công tác tài chính, tài sản

Công tác thu - chi tài chính của Đại học Huế đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và quy định của nhà nước. Việc quản lý chi thường xuyên, chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, trích lập các quỹ... đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo

và cải thiện đời sống cho đội ngũ giảng viên, CBVC-LĐ. Tuy nhiên một số đơn vị mức chi phụ cấp lương tăng thêm còn thấp so với mặt bằng chung của các đơn vị trong ĐHH, đời sống một số CBVC-LĐ vẫn còn gặp khó khăn, đặc biệt là các Viện, Trung tâm.

c) Công tác đánh giá xếp loại danh hiệu thi đua, khen thưởng và xử lý kỷ luật

Ban TTND nhận thấy Hội đồng thi đua, khen thưởng của Đại học Huế đã thực hiện đúng quy trình, tiêu chuẩn quy định, thực hiện công khai, dân chủ trong quá trình xem xét đánh giá. Hội đồng kỷ luật của Đại học Huế và các trường đại học thành viên luôn tuân thủ quy định của pháp luật và cân nhắc hình thức xử lý kỷ luật một cách thấu tình, đạt lý.

d) Công tác tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

Trong nhiệm kỳ qua, Ban TTND Đại học Huế không trực tiếp nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo nào của CBVC và công dân.

Tất cả các đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân đều gửi trực tiếp đến Giám đốc Đại học Huế hoặc Trưởng Ban Thanh tra/ Thanh tra và Pháp chế Đại học Huế đề nghị xem xét, giải quyết.

Qua giám sát việc tiếp nhận và xử lý đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc và Ban Thanh tra/ Thanh tra và Pháp chế Đại học Huế, Ban TTND nhận thấy tất cả đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo đều được xem xét một cách nghiêm túc. Ban Thanh tra/ Thanh tra và Pháp chế Đại học Huế đều tổ chức kiểm tra, xác minh và kiến nghị với Giám đốc Đại học Huế kết luận, xử lý, giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật, không né tránh, không bao che.

2. Tồn tại, hạn chế

Việc tổ chức sơ kết, tổng kết công tác thanh tra nhân dân hằng năm chưa được quan tâm, chế độ thông tin, báo cáo hai chiều còn nhiều hạn chế. Vai trò, vị trí của Ban TTND Đại học Huế chưa được phát huy. Mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ban TTND Đại học Huế với Ban TTND của các đơn vị trực thuộc chưa được chặt chẽ và thường xuyên.

Nguyên nhân: Bên cạnh chức năng giám sát của Ban TTND Đại học Huế còn có Ban Thanh tra/ Thanh tra và Pháp chế Đại học Huế (Ban Thanh tra/ Thanh tra và Pháp chế có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Đại học Huế thực hiện quyền thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo). Do đó, vai trò, vị trí và ảnh hưởng của Ban TTND Đại học Huế trong CBVC còn hạn chế.

II. KIẾN NGHỊ

1. Giám đốc Đại học Huế tạo cơ chế làm việc (cơ hội) để Ban TTND tham gia gia nhiều hơn các cuộc họp liên quan, thu nhận được thông tin đầy đủ hơn về các mảng hoạt động của ĐHH để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.

2. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và các quy định của ĐHH đối với các đơn vị thành viên.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2018 - 2020

Căn cứ Luật Công đoàn Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 1271/HD-TLĐ ngày 07/8/2017 của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn Công đoàn với việc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo qui định tại Nghị định số 159/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động của Đại học Huế và Nghị quyết Hội nghị đại biểu công chức, viên chức Đại học Huế năm học 2018-2019, 2019-2020;

Ban Thanh tra nhân dân Đại học Huế đề xuất phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2018-2020 như sau:

1. Tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội nghị đại biểu công chức, viên chức Đại học Huế năm học 2018-2019, 2019-2020; giám sát việc thực hiện Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ GD&ĐT; giám sát việc ban hành và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Phạm vi giám sát:

1.1. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác năm học 2018-2019, 2019-2020 của Đại học Huế.

1.2. Sử dụng kinh phí hoạt động, sử dụng các quỹ, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản và công tác tự kiểm tra tài chính của Đại học Huế.

1.3. Thực hiện chế độ, chính sách đối với CBVC theo quy định của pháp luật.

1.4. Việc tiếp nhận và xử lý đơn thư; việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra; việc xử lý các vụ việc tham nhũng, lãng phí; việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của CBVC.

Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị BTV CĐ và Giám đốc Đại học Huế giải quyết và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

2. Ban TTND Đại học Huế phối hợp chặt chẽ với UBKT Công đoàn và Ban Thanh tra và Pháp chế Đại học Huế để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Tham gia Đoàn thanh tra, kiểm tra, xác minh khi được Giám đốc Đại học Huế giao nhiệm vụ.

3. Kiến nghị với Giám đốc Đại học Huế khắc phục những thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và người lao động.

4. Kiến nghị BTV Công đoàn Đại học Huế xét khen thưởng CBVC có thành tích trong việc phát hiện vi phạm pháp luật; tiếp nhận các đơn thư kiến nghị, phản ánh của CBVC và người lao động để chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban TTND; xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra phù hợp; tăng cường trao đổi thông tin, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo. Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động của Ban TTND với Ban Thường vụ Công đoàn Đại học Huế để xin ý kiến chỉ đạo, giải quyết theo quy định./.

BAN THANH TRA NHÂN DÂN ĐẠI HỌC HUẾ

PHỤ LỤC

1. Viên chức, lao động theo đơn vị

TT	Đơn vị	Tổng số	CC, VC	LĐ HĐ	Trình độ				Chức danh		Danh hiệu được phong			
					TS	ThS	CN	Khác	GS	PGS	NGND	NGƯT	TTND	TTƯT
1	Trường Đại học Khoa học	431	401	30	122	190	91	28	2	45	0	9	0	0
2	Trường Đại học Sư phạm	399	355	44	138	159	81	21	3	52	0	9	0	0
3	Trường Đại học Y Dược	1122	410	712	125	262	389	346	6	57	2	17	1	33
4	Trường Đại học Nông Lâm	413	390	23	102	216	75	30	2	42	1	8	0	0
5	Trường Đại học Nghệ thuật	110	83	27	1	70	29	10	0	1	0	1	0	0
6	Trường Đại học Kinh tế	306	256	50	48	159	74	25	0	14	0	6	0	0
7	Trường Đại học Ngoại ngữ	297	266	31	40	165	81	11	0	4	0	1	0	0
8	Trường Đại học Luật	126	83	43	14	65	37	7	0	3	0	1	0	0
9	Khoa Du lịch	106	76	30	7	53	41	5	0	2	0	1	0	0
10	Khoa Giáo dục thể chất	81	57	24	6	46	25	4	0	0	0	0	0	0
11	Phân hiệu Quảng Trị	56	32	24	5	41	6	4	0	0	0	0	0	0
12	Viện Tài nguyên-Môi trường	21	10	11	2	16	3		0	0	0	0	0	0
13	Viện Công nghệ Sinh học	19	7	12	5	8	5	1	0	2	0	0	0	0
14	Trung tâm Giáo dục Quốc tế	5	3	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
15	Trung tâm Giáo dục QP-AN	58	20	38	0	3	42	13	0	0	0	0	0	0
16	Trung tâm Phục vụ sinh viên	42	9	33	0	2	18	22	0	0	0	0	0	0
17	Trung tâm CN thông tin	8	3	5	1	3	4	0	0	0	0	0	0	0
18	Trung tâm Học liệu	25	13	12	0	8	9	8	0	0	0	0	0	0
19	Trung tâm GD Thường xuyên	77	8	69	1	19	53	4	0	1	0	0	0	0

20	Nhà Xuất bản	8	4	4	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0
21	Cơ quan ĐHH	132	91	41	20	49	54	9	0	6	0	0	0	0
22	Viện NCGD & GLQT	9	2	7	3	2	4			1				
23	Giảng viên thỉnh giảng và mời	175			50	85			38	2				
	Tổng cộng	4026	2579	1272	690	1625	1125	548	51	233	3	53	1	33

Nguồn: Ban Tổ chức cán bộ

2. Số lượng ngành đào tạo và quy mô sinh viên, học viên

TT	Các loại hình đào tạo	Số lượng ngành đào tạo		Số lượng sinh viên, học viên	
		2016 – 2017	2017 – 2018	2016 – 2017	2017 – 2018
I	Đại học				
1.	Chính quy			46580	45946
1.1	Chính quy tập trung	124	116	44798	43976
1.2	Liên thông chính quy	8	8	942	1659
1.3	Bằng 2 chính quy	4	5	840	680
2.	Cử tuyển	32	1	496	353
3.	Vừa làm vừa học				6850
3.1	Vừa làm vừa học	7	27	2525	2690
3.2	Liên thông vừa làm vừa học	17	18	3096	3502
3.3	Bằng 2 vừa làm vừa học	9	4	664	693
4.	Đào tạo từ xa	4	7	3831	4013
II	Cao đẳng chính quy tập trung	6			326
III	Học sinh phổ thông	20			532
1	Dự bị đại học	18		29	22
2	PT chuyên và phổ thông	2			510
IV	Sau đại học	133	135	4774	3904
1	Nghiên cứu sinh	51	49	481	408
2	Cao học	82	86	4293	3496
V	Bác sĩ chuyên khoa và nội trú	72	75	1029	1262
1	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	32	32	614	764
2	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	30	31	235	293
3	Bác sĩ nội trú	10	12	180	205

Nguồn: Thống kê báo cáo tổng kết năm học 2017 - 2018

3. Ngành/ chuyên ngành đào tạo, sinh viên chính quy, học viên, nghiên cứu sinh theo đơn vị

TT	Đơn vị	Đại học		Sau đại học									
				Cao học		Nghiên cứu sinh		CKI		CKII		BSNT	
		SL ngành	SL SV	SL CN	SL HV	SL CN	SL NCS	SL CN	SL HV	SL CN	SL HV	SL CN	SL HV
1	Trường Đại học Sư phạm	16	5389	27	900	12	71						
2	Trường Đại học Khoa học	27	5320	26	440	17	150						
4	Trường Đại học Y Dược	9	9259	13	420	6	104	32	764	31	293	12	205
5	Trường Đại học Nông Lâm	24	6609	10	472	8	46						
7	Trường Đại học Nghệ thuật	7	443										
3	Trường Đại học Kinh tế	14	5903	4	583	3	8						
6	Trường Đại học Ngoại ngữ	12	5090	4	97	1	27						
8	Trường Đại học Luật	2	5306	1	408	1	7						
9	Khoa Du lịch	6	1920	1	136								
10	Khoa Giáo dục Thể chất	2	175										
11	Phân hiệu Quảng Trị	5	193										
12	Viện Công nghệ Sinh học					1							

Nguồn: Thống kê báo cáo tổng kết năm học 2017 - 2018

4. Kết quả tuyển sinh đại học, sau đại học

TT	Đơn vị	Đại học hệ chính quy		Thạc sĩ		Tiến sĩ	
		2016-2017	2017-2018	2016-2017	2017-2018	2016-2017	2017-2018
1	Trường Đại học Khoa học	1143 1177	784 1138	132	439	15	02
2	Trường Đại học Sư phạm	2204 1068	522 1076	471	399	15	04
3	Trường Đại học Y Dược	1731 1087	1240 1359	202	244	8	01
4	Trường Đại học Nông Lâm	1651	1144 1267	339	240	21	02
5	Trường Đại học Nghệ thuật	58 63	46 59				
6	Trường Đại học Kinh tế	1414 1439	1673 1387	294	319	0	0
7	Trường Đại học Ngoại ngữ	1877 889	1441 1875	44	53	8	0
8	Trường Đại học Luật	1052 887	871 1049	206	288	3	02
9	Khoa Giáo dục Thể chất	24 14	20 24				
10	Khoa Du lịch	509 494	888 506	52	91		
11	Phân hiệu Quảng Trị	24 36	14 29				

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh của Đại học Huế

5. Số lượng sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp

TT	Cơ sở đào tạo	Năm học 2016 - 2017					Năm học 2017 – 2018				
		Tổng số	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Tổng số	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Trường Đại học Khoa học	1072	23	212	690	147	1154	41	196	700	217
2	Trường Đại học Sư phạm	1374	51	356	896	71	1226	62	419	700	45
3	Trường Đại học Y Dược	1539	04	310	956	269	1657	0	274	1101	265
4	Trường Đại học Nông Lâm	1244	41	246	709	248	1275	46	304	720	205
5	Trường Đại học Nghệ thuật	124	00	22	100	02	65	0	13	50	02
6	Trường Đại học Kinh tế	1362	23	164	728	447	1404	23	192	397	265
7	Trường Đại học Ngoại ngữ	898	24	158	664	52	880	36	171	594	79
8	Trường Đại học Luật	641	2	124	453	62	509	6	155	344	4
9	Khoa Du lịch	321	7	52	242	20	339	11	67	243	18
10	Khoa Giáo dục Thể chất	100	0	8	33	59	30	13	16	01	00
11	Phân hiệu Quảng Trị	76	0	09	55	12	88	2	5	65	16
12	Trung tâm GDQPAN	89	1	26	60	2					
Tổng cộng:		8840	176	1687	5586	1391	8627	240	1812	4915	1116

Nguồn: Thống kê báo cáo tổng kết năm học 2017 - 2018

6. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm

TT	Đơn vị	Tỷ lệ sv tốt nghiệp có việc làm (%)	
		Năm 2015	Năm 2016
1	Trường Đại học Sư phạm	55,90	83,70
2	Trường Đại học Khoa học	65,00	85,76
3	Trường Đại học Y Dược	94,20	95,16
4	Trường Đại học Nông Lâm	88,30	90,49
5	Trường Đại học Nghệ thuật	86,30	96,90
6	Trường Đại học Ngoại Ngữ	88,00	90,89
7	Trường Đại học Kinh tế	77,00	83,41
8	Trường Đại học Luật	88,40	71,34
9	Khoa Du lịch	81,10	97,94
10	Khoa Giáo dục Thể chất	84,30	90,70
11	Phân hiệu Quảng Trị	88,00	100,00
Trung bình toàn Đại học Huế		81,50	87,03

Nguồn: Ban Công tác Học sinh, sinh viên

7. Các chương trình tiên tiến, chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

STT	Tên chương trình hợp tác	Đơn vị hợp tác	Bắt đầu đào tạo	Cấp đào tạo	Đơn vị cấp bằng	Ghi chú
1	CT liên kết đại học ngành Tài chính – Ngân hàng	Trường ĐHKT, ĐHH <i>ĐH Rennes 1, Pháp</i>	2009	Đại học	Cả hai	2244/QĐ-ĐHH
2	CT liên kết đại học ngành Quản trị kinh doanh	Trường ĐHKT, ĐHH <i>Viện công nghệ Tallaght, Ireland</i>	2016	Đại học	Cả hai	824/QĐ-ĐHH
3	CT tiên tiến ngành Kinh tế Nông nghiệp – Tài chính	Trường ĐHKT, ĐHH <i>Đại học Sydney, Australia</i>	2009	Đại học	Cả hai	
4	CT tiên tiến ngành Vật lý	Trường ĐHSP, ĐHH <i>Trường ĐH Virginia, Hoa Kỳ</i>	2006	Đại học	Trường ĐHSP, ĐHH	
5	CT Chương trình Kỹ sư Trung tâm INSA Val de Loire và INSA Toulouse	Trường ĐHSP, ĐHH <i>Trường KSQG Val de Loire, Pháp</i>	2009	Đại học	<i>Trường KSQG Val de Loire, Pháp</i>	1154/ĐHH-ĐTĐH
6	Khoa học máy tính	Trường ĐHSP, ĐHH <i>ĐH Winona State, Hoa Kỳ</i>	2015	Đại học	<i>ĐH Winona State, Hoa Kỳ</i>	952/QĐ-ĐHH
7	CT thạc sĩ kép ngành Vật lý, Hóa học	Trường ĐHSP, ĐHH <i>ĐH Chiao Tung, Đài Loan</i>	2017	Thạc sĩ	<i>ĐH Chiao Tung, Đài Loan</i>	
8	Thạc sĩ Quản lý môi trường nông thôn Phát triển nông nghiệp	Đại học Huế <i>ĐH Okayama, Nhật Bản</i>	2014	Thạc sĩ	<i>ĐH Okayama, Nhật Bản</i>	2243/QĐ-ĐHH
9	Công nghệ Y sinh học	Trường ĐHYD, ĐHH <i>Đại học Sassari, Ý</i>	2012	Thạc sĩ	Đại học Sassari, Ý	1024/QĐ-ĐHH ngày 04/06/2012
10	Điều dưỡng	Trường ĐHYD, ĐHH <i>Đại học Khonkaen, Thái Lan</i>	2017	Thạc sĩ	ĐH Khonkaen, Thái Lan	924/QĐ-ĐHH ngày 30/8/2017
11	Y sinh học	Trường ĐHYD, ĐHH <i>Đại học Tartu, Estonia</i>	2017	Tiến sĩ	Đại học Tartu, Estonia	1217/QĐ-ĐHH ngày 31/10/2017
12	Khoa học Môi trường	Trường ĐHKH, ĐHH <i>Trường ĐH Savannakhet, Lào</i>	2018	Thạc sĩ	Trường ĐHKH, ĐHH	
13	Công nghệ thông tin về An ninh mạng và Khoa học dữ liệu	Khoa Quốc tế-ĐHH (tuyển sinh 2019)	2019	Đại học	Trường ĐH Turku, ĐH Phần Lan	

14	Chăn nuôi	Trường ĐHNL, ĐHH	2009	Tiến sĩ	CRD Việt	
15	Quản lý an toàn thực phẩm	ĐHH qua Dự án VIBE		Thạc sĩ	Viện Công nghệ Dublin, Ireland	
16	Du lịch và Dịch vụ khách hàng	ĐHH qua Dự án VIBE		Đại học	Viện Công nghệ Dublin, Ireland	
17	Sức khỏe môi trường	ĐHH qua Dự án VIBE		Thạc sĩ	Viện Công nghệ Dublin, Ireland	
18	Sinh học (Song ngữ Anh-Việt)	Viện Công nghệ Sinh học, ĐHH	2019	Tiến sĩ	Viện CNSH, ĐHH	

Nguồn: Ban Hợp tác quốc tế

8. Số lượng đề tài, kinh phí nghiên cứu khoa học

TT	Các loại nghiên cứu	Số lượng (Đề tài, dự án, nhiệm vụ)			Giá trị (triệu đồng)			Số đề tài nghiệm thu			Ghi chú
		2016	2017	2018	2016	2017	2018	2016	2017	2018	
I	Nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia	11	7	5	4.200	4.596		3	2	3	
1	Đề tài độc lập	6	1(CT)		2.100	1(CT)		1	0		
2	Nhiệm vụ nghị định thư										
3	Dự án sản xuất thử nghiệm										
4	Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản	5	6	5	2.100	4596	*	2	2	3	* chưa cấp KP
5	Nhiệm vụ quỹ gen	1(CT)	1(CT)	0	CT	1(CT)	0			0	
II	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	32	28	15	8.950	11.328	15.630	6	9	11	
1	Đề tài cấp Bộ	29	23	9	7.500	10.128	3.230	5	8	10	
2	Nhiệm vụ BV môi trường cấp Bộ	1	1	1	600	600	600	1	1	1	
3	Dự án SX thử nghiệm cấp Bộ	1	2	2	300	*	1.200			0	
4	Nhiệm vụ nghiên cứu quỹ gen	1	2	2	550	600	600			0	
5	Chương trình cấp Bộ			1			10.000			0	
III	Đề tài cấp Tỉnh	4	4	5		3.828	3.000	3	2	3	
IV	Đề tài cấp ĐHH	81	86	99	6.030	5.660	5.943	40	35	50	
V	Đề tài cấp trường, khoa	415	503	584	2.100	3.150	5.203	65	39	31	

Nguồn: Ban Khoa học Công nghệ và Môi trường

9. Kết quả công tác hợp tác quốc tế

TT	Đơn vị	Số lượng đoàn ra, đoàn vào				Số lượng văn bản ký kết, thỏa thuận, hợp tác		Số lượng chương trình, dự án HTQT	
		Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018
		Đoàn vào	Đoàn ra	Đoàn vào	Đoàn ra				
1	Trường Đại học Khoa học	25	61	31	25	1	8	3	3
2	Trường Đại học Sư phạm	19	21	40	37	6	4	2	2
3	Trường Đại học Y Dược	139	157	177	140	9	13	11	11
4	Trường Đại học Nông Lâm	67	55	79	105	5	4	20	7
5	Trường Đại học Nghệ thuật	6	8	7	0	0	2	0	2
6	Trường Đại học Kinh tế	39	70	22	36	8	9	2	3
7	Trường Đại học Ngoại ngữ	107	57	74	88	8	10	0	0
8	Trường Đại học Luật	4	0	11	1	1	6	1	0
9	Khoa Du lịch	9	20	10	3	0	1	1	2
10	Khoa Giáo dục Thể chất	0	0	1	1	0	1	0	0
11	Phân hiệu Quảng Trị	4	0	5	2	2	3	0	0
12	Cơ quan ĐHH và các TT, viện	16	9	33	9	5	7	6	4
Tổng cộng:		435	458	490	447	45	68	46	34

Nguồn: Ban Hợp tác quốc tế

10. Số lượng hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế

TT	Đơn vị	Trong nước		Quốc tế	
		2016-2017	2017-2018	2016-2017	2017-2018
1	Trường Đại học Khoa học	2	7	7	2
2	Trường Đại học Sư phạm	3	0	1	2
3	Trường Đại học Y Dược	24	15	29	15
4	Trường Đại học Nông Lâm	7	3	4	3
5	Trường Đại học Nghệ thuật	3	2	0	0
6	Trường Đại học Kinh tế	13	9	2	1
7	Trường Đại học Ngoại ngữ	7	13	7	3
8	Trường Đại học Luật	1	3	2	3
9	Khoa Du lịch	4	7	1	1
10	Khoa Giáo dục Thể chất	0	1	0	0
11	Phân hiệu Quảng Trị	1	2	0	0
12	CQ ĐHH, các trung tâm, viện	7	7	5	4
Tổng cộng:		72	69	58	34

Nguồn: Ban Hợp tác quốc tế

11. Kết quả xây dựng và trang bị cơ sở vật chất giai đoạn 2016 - 2018

TT	Các loại công việc	Số lượng (m ² , cái)			Giá trị (triệu đồng)		
		2016	2017	2018	2016	2017	2018
1	Xây dựng cơ bản (m ² sàn)	18.571	0	14.695	148.117	0	0
2	Số lượng các công trình bàn giao	8	2	3	0	0	0
3	Số lượng các dự án đầu tư trang thiết bị	12	1	0	40.000	5.970	0
4	Giảng đường, phòng học (m ² sàn)	6.887	0	5.300	39.352	0	37.939
5	Thư viện (m ² sàn)	4.364	0		26.462	0	0
6	Phòng thí nghiệm, xưởng thực tập (m ² sàn)	3.200	0	5.010		11.861	31.976
7	Ký túc xá (m ² sàn)	3.200	0		11.500	0	0
8	Nhà làm việc (m ² sàn)	4.124	0	4.385	30.803	21.566	34.614

Nguồn: Ban Cơ sở vật chất

12. Tình hình tài chính giai đoạn 2015 – 2018 và kế hoạch dự toán giai đoạn 2019 - 2021 của Đại học Huế

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Dự toán giai đoạn 2019 - 2021				Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015 -2021	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021		Giá trị	%
												Giá trị	Giá trị		
	Tổng số	1,149,895	100.0	1,352,555	100.0	1,269,088	100.0	1,199,000	100.0	1,463,981	1,733,021	2,010,572	100.0	112,228	98
I	Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác	733,423	63.8	821,289	60.7	909,139	71.6	852,750	67.2	1,023,300	1,227,960	1,473,552	73.3	90,443	12.3
1	Học phí	460,442	62.8	500,516	60.9	488,219	53.7	448,582	52.6	538,298	645,958	775,150	52.6	41,758	9.1
	<i>Chia ra:</i>														
	- Chính quy	283,234		346,436		349,794		374,144		448,973	538,767	646,521			
	- Không chính quy	177,208		154,080		138,425		74,438		89,326	107,191	128,629			
2	Lệ phí (tuyển sinh, thi viên chức)	200,435	27.3	8,720	1.1	3,442	0.4	3,788	0.4	4,546	5,455	6,546	0.4	(87,116)	-43.5
3	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ (KCB, dịch vụ đào tạo, khác)	42,705	5.8	265,168	32.3	355,909	39.1	365,497	42.9	438,596	526,316	631,579	42.9	24,202	56.7
4	Thu sự nghiệp khác, viện trợ	29,841	4.1	46,885	5.7	61,569	6.8	34,883	4.1	41,860	50,232	60,278	4.1	3,710	12.4
II	Kinh phí NSNN cấp	416,472	36.2	531,266	39.3	359,949	28.4	346,250	28.9	440,681	505,061	537,020	26.7	18,025	4.3
A	Dự toán chi thường xuyên	239,108	57.4	240,011	45.2	227,093	63.1	255,456	73.8	281,002	309,102	340,012	63.3	14,450	6.0
1	Đào tạo ĐH-CD (070-081)	224,108		225,011		222,593		250,956		276,052	303,657	334,022			
2	Đào tạo SDH (070-082)	15,000		15,000		4,500		4,500		4,950	5,445	5,990			
B	Dự toán chi không thường xuyên	15,416	3.7	43,773	8.2	13,006	3.6	42,361	12.2	27,679	33,960	35,008	6.5	2,258	14.6
3	KP cấp cho kỳ thi Trung học phổ thông	1,648		9,503											
4	Kinh phí đối ứng dự án ODA	485		256		720		710		746	783	822			
5	Đào tạo theo Đề án			660						-					

	911 (070-082)														
6	Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ (070-085)			485						-					
7	Sự nghiệp môi trường (250-251)	600		900		350		800		840	882	926			
8	Khoa học công nghệ (100-101)	7,883		15,714		9,478		17,246		18,108	19,014	19,964			
9	Đào tạo HS Lào (400-402)	650		930		1,038		255		268	281	295			
10	DA tăng cường dạy và học ngoại ngữ	4,150		15,325		-2,500		7,350		7,718	13,000	13,000			
11	DA nâng cao NL Tr. ĐHSP (ETEP)					3,920		16,000			-	-			
C	NSNN Chi đầu tư XD CB	161,948	38,9	247,482	46,6	119,850	33,3	48,433	14,0	132,000	162,000	162,000	30,2	9	0,0
12	NSNN trong nước	161,948		247,482		84,269		11,200		82,000	112,000	112,000			
13	Vốn ODA					35,581		37,233		50,000	50,000	50,000			

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính

13. Cơ cấu các khoản chi tiêu năm 2018 của Đại học Huế

Đơn vị tính: triệu đồng

S TT	Chỉ tiêu	Tổng chi trong năm 2018		Chia ra							
				Thanh toán cá nhân		Nghiệp vụ chuyên môn		Mua sắm, sửa chữa TSCĐ		Trích lập quỹ, chi khác	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
A	B	$I = 3+5+7+9$	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	Nguồn từ hoạt động sự nghiệp	852,750	71.1	305,617	65.6	392,945	82.4	38,598	28.1	115,590	97.0
I	Thu phí, lệ phí	789,398	65.8	296,904	63.7	348,667	73.2	34,410	25.1	109,417	91.9
2	Hoạt động sản xuất, dịch vụ	28,469	2.4	2,733	0.6	23,077	4.8	596	0.4	2,063	1.7
3	Hoạt động sự nghiệp khác	-	-								-
4	Dự án nguồn khác	34,883	2.9	5,980	1.3	21,201	4.4	3,592	2.6	4,110	3.45
B	Nguồn NSNN cấp	346,250	28.9	160,394	34.4	83,669	17.6	98,662	71.9	3,525	3.0
I	Nguồn chi thường xuyên	255,456	73.8	158,516	98.8	59,073	70.6	35,237	35.7	2,630	74.6
I	Đào tạo đại học	250,956		158,417		54,715		35,227		2,597	
2	Đào tạo sau đại học	4,500		99		4,358		10		33	
II	Nguồn chi không thường xuyên	42,361	12.2	1,878	1.2	24,596	29.4	14,992	15.2	895	25.4
III	Nguồn chi đầu tư XD CB	48,433	14.0					48,433	49.1		
	Tổng chi	1,199,000	100	466,011	38.9	476,614	39.8	137,260	11.4	119,115	9.9

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính

14. Tình hình biên chế, quỹ tiền lương năm 2018 của Đại học Huế

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Đơn vị	Số biên chế được giao	Số biên chế thực có mặt đến 31/12 /2017	Số lao động hợp đồng đến 31/1/ 2017	TỔNG QUỸ LƯƠNG						QUỸ LƯƠNG PHẦN NSNN (Bộ cấp kinh phí)					
					Quỹ lương năm 2018 (bao gồm cả quỹ lương HD 68)			Quỹ lương năm 2018 của số biên chế được giao			Quỹ lương năm 2018 (bao gồm cả quỹ lương HD 68)			Quỹ lương năm 2018 của số biên chế được giao		
					Tổng quỹ lương	Trong đó		Tổng quỹ lương của số biên chế được giao	Trong đó		Tổng quỹ lương	Trong đó		Tổng quỹ lương của số biên chế được giao	Trong đó	
						Quỹ lương đảm bảo đủ mức LCS 1,3 trđ/tháng, đủ 12 tháng	Kinh phí tăng thêm để điều chỉnh LCS lên mức 1,39 trđ/tháng g từ ngày 1/7/2018		Quỹ lương đảm bảo đủ mức LCS 1,3 trđ/tháng, đủ 12 tháng	Kinh phí tăng thêm để điều chỉnh LCS lên mức 1,39 trđ/tháng g từ ngày 1/7/2018		Quỹ lương đảm bảo đủ mức LCS 1,3 trđ/tháng, đủ 12 tháng	Kinh phí tăng thêm để điều chỉnh LCS lên mức 1,39 trđ/tháng, đủ 12 tháng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trường ĐHKH	430	409	27	37,929	36,660	1,269	38,567	37,277	1,290	17,063	15,799	1,264	17,063	15,799	1,264
2	Trường ĐHSp	406	360	44	41,370	39,990	1,380	39,415	38,100	1,315	20,714	19,180	1,534	20,714	19,180	1,534
3	Trường ĐHYD	536	409	148	43,138	41,679	1,459	39,856	38,509	1,347	6,160	5,704	456	6,160	5,704	456
4	Trường ĐHNL	406	397	23	45,421	43,950	1,471	42,685	41,305	1,380	16,537	15,312	1,225	16,537	15,312	1,225
5	Trường ĐHNT	105	86	23	11,141	10,755	386	9,260	8,929	331	9,138	8,461	677	9,138	8,461	677

6	Trường ĐHNN	288	268	27	24,657	23,832	825	26,145	25,216	929	10,688	9,940	748	10,688	9,940	748
7	Trường ĐHKT	280	265	46	21,486	20,768	718	19,685	19,027	658	4,356	4,033	323	4,356	4,033	323
8	Trường ĐHL	100	91	23	8,247	7,940	307	7,387	7,116	271	3,430	3,176	254	3,430	3,176	254
9	Khoa DL	80	75	30	8,632	8,339	293	5,726	5,535	191	1,525	1,412	113	1,525	1,412	113
10	Khoa GDTC	63	61	23	6,478	6,233	245	6,478	6,233	245	3,808	3,526	282	3,808	3,526	282
11	Phân hiệu	40	32	24	6,110	2,953	3,157	4,061	1,963	2,098	3,189	2,953	236	3,189	2,953	236
12	TTGDQP&AN	27	20	26	2,595	2,580	15	1,375	1,368	7	532	493	39	532	493	39
13	TTPVSV	11	9	33	1,706	1,649	57	547	529	18	571	529	42	571	529	42
14	Viện TNMT	14	11	22	1,186	1,109	77	851	774	77	836	774	62	836	774	62
15	Viện CNSH	13	8	16	1,309	1,268	41	771	748	23	808	748	60	808	748	60
16	TTGDQT	5	2	3	151	146	5	97	94	3	-	-	-	-	-	-
17	NXB	6	5	3	475	459	16	381	370	11	400	370	30	400	370	30
18	TTHL	16	14	14	1,604	1,550	54	1,080	1,044	36	676	626	50	676	626	50
19	TTGDTX	11	8	71	3,830	3,702	128	680	657	23	523	484	39	523	484	39
20	TTCNTT	8	4	6	433	418	15	233	225	8	167	155	12	167	155	12
21	CQ ĐHH	132	91	41	15,402	14,904	498	10,899	10,546	353	9,081	8,796	285	9,081	8,796	285
	Tổng cộng ĐHH	2,977	2,625	673	283,300	270,884	12,416	256,179	245,565	10,614	110,203	102,471	7,732	110,203	102,471	7,732

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính

15. Tình hình chi tiêu 2 năm 2017, 2018 và kế hoạch thực hiện năm 2019 từ nguồn điều hành học phí các đơn vị

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	TH	TH	KH TH	Ghi chú
		năm 2017	năm 2018	năm 2019	
1	Hoạt động Đảng, Đoàn thể	650	600	700	
2	Hỗ trợ Trung tâm Ươm tạo và CGCN	303			Tái cấu trúc
3	Hỗ trợ Viện Công nghệ sinh học	25			Hội thảo quốc tế
4	Hỗ trợ Trường ĐH Khoa học	20			Hội thảo quốc tế
5	Hỗ trợ Trường ĐH Nghệ thuật	619	1,400		xử lý nợ từ 2016 về trước
6	Hỗ trợ Trung tâm CNTT	100			Năm thứ 2 tự chủ
7	Phí Internet trực tiếp, FTTH	532			
8	Hỗ trợ xuất bản giáo trình	200			Đã hỗ trợ từ NSNN
9	Đối ứng xây dựng các công trình XD CB	2,000		6,000	KTX B3 và công trình mới
10	Đối ứng ký túc xá B3 Đại học Huế		293		
11	Đền bù GPMB DAĐT GD 2, 3		3,000	4,000	
12	Hội trường 600 chỗ tại số 4 Lê Lợi		5,000		
13	Đối ứng nhà học trường ĐHNT		635		
14	Đối ứng nhà thi đấu thể thao Khoa GDTC		1,293		
15	Chi h/đ chung của ĐHH, lương và BHXH của LĐHHĐ		2,700	3,000	
16	BV LATS cấp ĐHH, mở ngành, ngân hàng đề, liên kết đào tạo		500	500	
17	Chi hỗ trợ các đơn vị khó khăn		1,500	1,500	
18	Chi hỗ trợ tuyển sinh đại học		500	500	

19	Đại hội TDĐT, giải việt dã truyền thống		200		
20	Hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh		1,000	1,000	
21	Quỹ khen thưởng ĐHH		800	1,000	
22	Chi các h/động cơ quan, quỹ phúc lợi khác		1,800	4,000	
	TỔNG CỘNG	4,449	21,221	22,200	

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính

16. Bảng tổng hợp điều hành học phí và khoa học công nghệ năm 2018 (tính đến ngày 24 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Số nợ 2017 trở về trước	Kế hoạch số phải thu 2018		Số tiền đã thu 2018		Số tiền còn phải thu 2018	Ghi chú
			Điều hành HP	KHCN	Điều hành HP	KHCN		
A	B	1	2	3	4	5	6=1+2+3-4-5	7
1	Trường ĐHYD	-252	5,215	2,215	2,505	2,215	2,458	
2	Trường ĐHNT	1,178	164	97	150	97	1,192	
3	Trường ĐHNN	-141	1,706	1,110	800	1,110	765	
4	Trường ĐHKH	843	2,838	1,380	1,843	1,380	1,838	
5	Trường ĐHSP	601	920	1,152	601	1,152	920	
6	TTGDTX	441	210	-	-	-	651	<i>Chưa t/hiện</i>
7	Trường ĐHKT	-251	2,933	1,297	1,500	1,297	1,182	
8	Trường ĐHNL	-282	3,249	1,709	1,483	1,709	1,483	
9	Trường ĐHL	312	2,075	645	1,387	645	1,000	
10	Khoa DL	-7	823	450	816	450	-	<i>Đã /thành</i>
11	Khoa GDTC	853	349	244	700	244	502	<i>Gia hạn đến 6/2019</i>
12	Phân hiệu	-23	50	30	27	30	-	<i>Đã h/ thành</i>
13	TT GDQP&AN	13	299	164	313	164	(1)	<i>Đã h/thành</i>
	Tổng cộng	3,286	20,831	10,493	12,126	10,493	11,991	
		3,286	31,324		22,619		65.4%	

Ghi chú:

- Kinh phí điều hành học phí sẽ được điều chỉnh vào cuối năm tài chính 2018 theo số liệu thực tế của đơn vị.
- Kinh phí điều tiết khoa học công nghệ đạt 100% kế hoạch năm 2018.
- Khấu trừ tiền điều hành học phí năm 2018 cho Khoa Giáo dục Thể chất số tiền: 399,86 tr.đ.
- Tổng kinh phí điều hành đã nộp đạt: 65.4% kế hoạch năm.

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính

17. Tình hình chế độ chi tiền lương tăng thêm, chi phúc lợi các đơn vị năm 2018

STT	Đơn vị	Hệ số tăng thêm cho toàn bộ CBVC-LĐ	Hệ số tăng thêm cho cán bộ hành chính	Chi từ quỹ phúc lợi (triệu đồng/người/năm)	Thu nhập bình quân các đơn vị năm 2018 (đ/người)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5
1	Trường ĐHKT	0,3	0,45	8.1	12,500,000	
2	Trường ĐHYD	0,3	0,22	4,5Trđ + 1 tháng LTT và 1 khoản 2,5tr trở lên	7,024,000	không có BV
3	Trường ĐHL	1,2-2 (trđ/người/tháng)	0,25	6.3	5,500,000	
4	Khoa DL	0,4	0,25	- VC, HĐ DH: 6,5 - HĐNH: 3,2	7,600,000	
5	Cơ quan ĐHH	0,3	0,25	6.0	9,574,000	
6	Trung tâm CNTT	0.3	0.25	6.0	5,900,000	
7	Trung tâm PVSV	0,2	0,25	6.1	5,500,000	
8	Phân hiệu	0,2	0,25	5.6	5,200,000	
9	Trung tâm GDQT	0,2	0,25	-VC, HĐDH: 5,0 - HĐNH, kiêm nhiệm: 2,5	5,870,000	
10	Trường ĐHNL	0,25	0,2	6.7	8,750,000	
11	Trung tâm GDQPAN	-	- VC, HĐ > 5 năm: 0,25 - HĐ < 5 năm: 0,1	- VC, HĐ > 5 năm: 5,8 - HĐ < 5 năm: 4,74 - HĐNH: 3,15	6,500,000	
12	Trường ĐHSP	BC, HĐDH: 0,1 HĐNH: 0,05	0,3	- VC, HĐ > 10 năm: 6,1 - HĐ DH: 70% - HĐNH: 50%	11,600,000	
13	Trường ĐHKH	1trđ x ((Hệ số từ 0-1) x HSLCB x 0,1)	0,2	3,25 - 6,5	5,830,000	

14	Trung tâm GDTX	0,3		2,64 - 4,4	4,250,000	
15	Khoa GDTC		0,25	-VC, HĐDH: 4,7 -HĐNH: 50%	8,490,000	
16	Trường ĐHNT			-VC, HĐ > 24 tháng: + Tết ÂL, 20/11: BGH phê duyệt + Lễ khác: 0,2 - HĐLĐ dưới 24 tháng: 50%	4,800,000	
17	Trường ĐHNN		- VC,VCTS: 0,4 - HĐLĐ: 0,1-0,2	- VC: 5,3 - HĐLĐ: 4,8	7,160,000	
18	Trung tâm HL		0,25	4.50	5,100,000	
19	Nhà xuất bản			- VC, HĐDH: 3,5 - HĐNH: 1,75	5,100,000	
20	Viện CNSH			1.70	3,800,000	
21	Viện TNMT			- VC, HĐDH: 5,5 - HĐNH, kiêm nhiệm: 2,75	4,000,000	

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính

18. Tình hình các quỹ và số dư nguồn kinh phí năm 2017 chuyển sang năm 2018 sử dụng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Số dư đầu kỳ	Trích lập, bổ sung	Đã sử dụng	Số dư quỹ chuyển sang năm 2018	Số dư nguồn kinh phí thường xuyên chuyển sang 2018	Tổng cộng
A	B	1	2	3	4=1+2-3	5	6=4+5
1	Trường ĐHKT	1,173	13,169	10,921	3,421	18,440	21,861
2	Trường ĐHYD	91,312	29,949	3,934	117,327	169,427	286,754
3	Trường ĐHL	29,895	20,352	3,938	46,309	10,286	56,595
4	Trường ĐHKH	29,017	6,909	12,248	23,678	7,452	31,130
5	Trường ĐHSP	15,731	9,628	8,433	16,926	4,992	21,918
6	Trường ĐHNL	33,702	8,204	6,398	35,508	23,023	58,531
7	Trường ĐHNT	8	17	15	10	67	77
8	Trường ĐHNN	15,066	8,447	6,769	16,744	6,229	22,973
9	Phân hiệu				0	2,168	2,168
10	Khoa Du lịch	2,677	624	355	2,946	7,139	10,085
11	Khoa GDTC	1	651	651	1		1
12	Trung tâm GDTX	25,044	64	1,446	23,662	45,229	68,891
13	Trung tâm GDQP&AN	377	569	425	521	824	1,345
14	Trung tâm CNTT				0		0

15	Trung tâm Học liệu	852	90	350	592	21	613
16	Trung tâm PVSV	670	447	8	1,109	818	1,927
17	Trung tâm GDQT	745	35	20	760	2,095	2,855
18	Viện TN&MT		253	253	0		0
19	Viện CNSH	41	124	47	118	223	341
20	Nhà Xuất bản	292	4	36	260		260
21	Cơ quan ĐHH	18,037	24,899	9,303	33,633	6,470	40,103
22	Viện NCGD & GLQT	0	0	0	0	400	400
	Tổng Đại học Huế	264,640	124,435	65,550	323,525	304,903	628,428

Ghi chú: Cột 2 bao gồm số trích lập, bổ sung quỹ từ các hoạt động: Thu sự nghiệp, dịch vụ và thu khác.

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính

19. Kế hoạch đối ứng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số đối ứng	Chia ra:			Năm hoàn thành
			Đã nộp đối ứng đến 24/12/2018	Còn phải nộp		
				Năm 2019	Năm 2020	
1	Đại học Huế	15,519	-	15,519	-	
	Giảng đường học chung số 4 Lê Lợi	11,019	-	11,019		Năm 2018
	Đền bù GPMB dự án đầu tư GD 2 ĐH Huế	4,500	-	4,500		Năm 2019
2	Trường ĐH Khoa học, ĐHH	4,519	4,000	519	-	
	Khu thí nghiệm cơ bản Trường ĐH Khoa học	4,519	4,000	519		Năm 2017
3	Trường ĐH Luật, ĐHH	8,292	7,091	1,201	-	
	Nhà làm việc Khoa luật- ĐH Huế	8,292	7,091	1,201		Năm 2017
4	Trường ĐH Kinh tế, ĐHH	16,607	12,000	4,607	-	
	Nhà hiệu bộ và HT của Trường ĐH Kinh tế	16,607	12,000	4,607		Năm 2019
5	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHH	12,521	9,000	3,521	-	
	Khu học tập ch/ngành của Trường ĐH ng/ngữ	12,521	9,000	3,521		Năm 2018
6	Trường ĐH Y dược, ĐHH	9,950	8,000	1,950	-	
	Khu học và thí nghiệm của Trường ĐH Y Dược	9,950	8,000	1,950		Năm 2018
7	Trường ĐH Sư phạm, ĐHH	7,235	5,790	1,445	-	
	Nhà học 4 tầng Trường ĐH Sư phạm	7,235	5,790	1,445		Năm 2018
8	Trường ĐH Nông lâm, ĐHH	3,496	2,000	1,496	-	
	Nhà học- thí nghiệm thuỷ sản của Trường ĐHNL	3,496	2,000	1,496		Năm 2018
	Tổng cộng	78,139	47,881	30,258	-	

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính